

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Hải An
Giảng viên hướng dẫn: CN.KTT.Tô Thúy Hoa

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và
vận tải quốc tế Bảo Linh**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Hải An
Giảng viên hướng dẫn: CN.KTT.Tô Thúy Hoa**

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Hải An

Mã SV:120073

Lớp: QT1203K

Ngành: Kế toán- Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

Tìm hiểu lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....

Phản ánh thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh.....

Đánh giá những ưu điểm và nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nói trên tại công ty.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng các số liệu kế toán năm 2011 tại Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

Lời mở đầu

Chương I : Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	3
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1. Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	3
1.1.2. Ý nghĩa của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	4
1.2. Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	5
1.2.1. Khái quát về doanh thu	5
1.2.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5
1.2.1.2. Doanh thu bán hàng nội bộ	9
1.2.1.3. Doanh thu hoạt động tài chính	9
1.2.1.4. Các khoản giảm trừ doanh thu	9
1.2.1.5. Thu nhập khác	10
1.2.2. Khái quát về chi phí	10
1.2.2.1. Giá vốn hàng bán	11
1.2.2.2. Chi phí tài chính	14
1.2.2.3. Chi phí bán hàng	14
1.2.2.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15
1.2.2.5. Chi phí khác	16
1.2.2.6. Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp	16
1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	16
1.3. Nội dung của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	17

1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, bán hàng nội bộ	17
1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	21
1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	24
1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	28
1.3.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	31
1.3.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	34
1.3.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	37
1.3.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	39
1.4. Các hình thức sổ kế toán áp dụng	40
Chương II : Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh	
2.1. Khái quát chung về Công ty CP thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh	41
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty	41
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	42
2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty	43
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty	44
2.1.4.1. Đặc điểm cơ cấu tổ chức kế toán tại Công ty	44
2.1.4.2. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty	45
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh.....	48
2.2.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu	48
2.2.2. Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán	58
2.2.3. Thực trạng công tác kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	64
2.2.4. Thực trạng công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty	73
2.2.5. Thực trạng công tác kế toán thu nhập khác, chi phí khác.....	79
2.2.6. Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.....	80

<u>Chương III</u> : Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh	89
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh	89
3.1.1. Ưu điểm.....	89
3.1.2. Hạn chế.....	91
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh	91
3.2.1. Sự cần thiết của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	92
3.2.2. Một số ý kiến.....	92
3.2.2.1. Sử dụng phần mềm kế toán.....	92
3.2.2.2. Về việc hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu	94
3.2.2.3. Về việc tính các khoản trích theo lương	97
3.2.2.4. Các chính sách ưu đãi đối với khách hàng.....	97
Kết luận	100

LỜI MỞ ĐẦU



Trong những năm gần đây, trước xu hướng hoà nhập và phát triển của kinh tế thế giới, Việt Nam cũng đã mở rộng quan hệ thương mại, hợp tác kinh tế với rất nhiều nước trong khu vực và thế giới. Đi cùng với sự mở cửa của nền kinh tế là sự thay đổi của khung pháp chế. Hiện nay, pháp luật Việt Nam đang cố gắng tạo ra sân chơi bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, Nhà nước không còn bảo hộ cho các doanh nghiệp nhà nước như trước đây nữa. Việc này tạo ra cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp trong nền kinh tế nhưng cũng lại đặt ra rất nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp nhà nước. Để tồn tại và ổn định được trên thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp nhà nước phải có sự chuyển mình, phải nâng cao tính tự chủ, năng động để tìm ra phương thức kinh doanh có hiệu quả, đem lại lợi nhuận cao từ đó mới có đủ sức để cạnh tranh với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Đối với tất cả các doanh nghiệp thì vấn đề doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh luôn được đặt ra trước nhất. Bởi vì nó cho ta thấy được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp có tốt không, có đạt được mục tiêu là doanh thu cao, chi phí thấp, lợi nhuận nhiều như doanh nghiệp đó đã đề ra không. Đó cũng là mục tiêu hàng đầu của mọi doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Với tư cách là công cụ quản lý kinh tế, kế toán đã theo dõi, phản ánh, ghi chép đầy đủ những thông tin cần thiết liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để cung cấp cho các doanh nghiệp. Nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh nói riêng, bằng những kiến thức được trang bị ở nhà trường và sự giúp đỡ tận tình của Cử nhân - kế toán trưởng Tô Thị Thúy Hoa và các anh chị trong phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh, em lựa chọn và đi sâu nghiên cứu đề tài : **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh”**.

Nội dung bài khóa luận trình bày gồm ba phần như sau:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh.

Chương 3: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh

Với kiến thức thực tế còn hạn chế, cùng với nội dung đề tài sâu rộng và thời gian tham gia thực tế tại công ty không được nhiều, bài viết của em còn nhiều thiếu sót và sơ sài, mong thầy cô và các anh chị kế toán trong công ty đóng góp ý kiến thêm cho khóa luận của em được hoàn chỉnh.

Em xin chân thành cảm ơn

Sinh viên

Trần Hải An

CHƯƠNG I:**LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP****1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp****1.1.1. Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

- **Doanh thu:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Chi phí:** Là các hao phí về nguồn lực để doanh nghiệp đạt được một hoặc những mục tiêu cụ thể, hay nói một cách khác thì chi phí chính là số tiền phải trả để thực hiện các hoạt động kinh tế như sản xuất, giao dịch,... nhằm mua được các loại hàng hoá, dịch vụ cần thiết cho quá trình sản xuất, kinh doanh.

- **Kết quả kinh doanh:** Là việc xác định số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

1.1.2. Ý nghĩa của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Vấn đề mà các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường hiện nay luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất (tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu chi phí). Để xác định lợi nhuận của một doanh nghiệp ta phải căn cứ vào các yếu tố: doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí. Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò vô cùng quan trọng.

- *Đối với doanh nghiệp:* việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp giúp các nhà quản trị doanh nghiệp nắm bắt được thực trạng từng loại hoạt động trong doanh nghiệp, đánh giá được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, từ đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Cũng căn cứ vào việc xác định kết quả kinh doanh để doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.

- *Đối với nhà đầu tư*: thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

- *Đối với nhà cung cấp*: kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ giúp họ có quyết định bán hàng hay không bán hàng cho đơn vị hoặc sử dụng phương thức thanh toán hợp lý để tránh rủi ro khi thanh toán tiền hàng.

- *Đối với các tổ chức tài chính trung gian*: thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh để ra các quyết định cho vay vốn đầu tư.

- *Đối với nhà nước*:

+ Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị an ninh - xã hội tốt nhất.

+ Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính trị quốc gia sẽ có cơ sở đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

+ Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn của Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để đáp ứng yêu cầu quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép và phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Ghi chép và phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Tính toán và phân bổ đúng đắn, chính xác các khoản chi phí liên quan trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các khoản thuế phải nộp nhà nước và tình hình phân phối các kết quả hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính, định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh, tham mưu cho ban lãnh đạo để đưa ra các quyết định tài chính cho doanh nghiệp.

1.2. Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1. Khái quát về doanh thu

1.2.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê tài sản cố định theo phương thức cho thuê hoạt động...

➤ Khái niệm:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa.

➤ Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo chuẩn mực số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định số 149/2000/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, để xác định và ghi nhận doanh thu mỗi doanh nghiệp cần phải tuân theo những quy định sau:

- Ghi nhận doanh thu và các chi phí phải theo một nguyên tắc phù hợp, khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;

- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
 - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - + Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
 - + Xác định được chi phí phát sinh giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Khi hàng hoá dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.
- Nếu trong kỳ phát sinh những khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, hàng bán bị trả lại thì được hạch toán riêng biệt các khoản giảm trừ doanh thu được tính trừ vào doanh thu và ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm căn cứ xác định.
- Doanh thu bán hàng được ghi nhận chỉ khi đảm bảo là doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch.
- **Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).
 - Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư đã bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là tiêu thụ trong kỳ không phân biệt doanh nghiệp đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

- Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc sau:

+ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

+ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

+ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

+ Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

+ Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

+ Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

+ Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy

tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

+ Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo, hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá. Doanh thu trợ cấp, trợ giá được phản ánh trên TK 5114 - Doanh thu trợ cấp trợ giá.

➤ Các hình thức bán hàng trong doanh nghiệp:

- *Bán hàng trực tiếp*: Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã giao được chính thức coi là tiêu thụ.

- *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng*: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao thì số hàng này mới được coi là tiêu thụ.

- *Bán hàng qua đại lý*: Về bản chất, bán hàng theo phương thức này là bán theo phương thức chuyển hàng. Song trong trường hợp này, bên giao phải trả cho bên đại lý một khoản tiền gọi là tiền hoa hồng đại lý.

+ Đối với bên giao đại lý: doanh nghiệp giao hàng cho bên nhận đại lý bên đại lý sẽ trực tiếp bán hàng thanh toán cho doanh nghiệp và nhận tiền hoa hồng. Doanh nghiệp có nhiệm vụ nộp thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) trên tổng giá trị hàng gửi bán không được trừ phần hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý. Khoản hoa hồng được coi như khoản chi phí và hạch toán vào TK 641

+ Đối với bên nhận đại lý: với số hàng bán đại lý không phải sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp cũng có trách nhiệm bảo quản và bán hộ và được hưởng hoa hồng như trong hợp đồng đã kí.

- *Bán hàng cho trả góp*: Thực chất của phương thức bán hàng này là bán hàng trực tiếp kết hợp với nghiệp vụ cho khách hàng vay vốn. Tiền thu được từ quá trình bán hàng phải chia làm hai phần: Phần doanh thu bán hàng (tính theo giá bán tính tiền một lần) và doanh thu từ hoạt động tài chính (phần lãi cho khách hàng trả góp).

- *Bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng*: Nghĩa là doanh nghiệp lấy sản phẩm của mình quy ra giá cả trên thị trường rồi dùng số tiền quy đổi đó để mua sản phẩm của đơn vị khác. Trong trường hợp này, doanh thu được tính theo giá sản phẩm cùng loại mà doanh nghiệp bán thu tiền.

- *Bán hàng theo phương thức tiêu thụ sản phẩm nội bộ*: Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

1.2.1.2. Doanh thu bán hàng nội bộ

Doanh thu bán hàng nội bộ là doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

1.2.1.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại, bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa...;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Thu nhập từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập về thu hồi, hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái;
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- Chênh lệch lãi các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.2.1.4. Các khoản giảm trừ doanh thu

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế gián thu đánh vào một số loại hàng hoá đặc biệt do các doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ. Thuế này do các cơ sở trực tiếp sản xuất ra hàng hoá đó nộp nhưng người tiêu dùng là người chịu thuế vì thuế được cộng vào giá bán.

- Thuế xuất khẩu: là thuế đánh vào hàng hoá xuất khẩu theo quy định của Nhà nước.

- Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất đến tiêu thụ. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

- Chiết khấu thương mại: Là khoản mà doanh nghiệp bán giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất, hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

- Hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

1.2.1.5. Thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, từ đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác...;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập khác

1.2.2. Khái quát về chi phí

1.2.2.1. Giá vốn hàng bán

➤ Khái niệm:

Mỗi khi ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thì đồng thời kế toán phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng đó chính là giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

➤ Phương pháp tính giá vốn hàng bán:

Hàng tồn kho trong các doanh nghiệp tăng từ nhiều nguồn khác nhau với các đơn giá khác nhau, vì vậy doanh nghiệp cần lựa chọn phương pháp tính giá thực tế hàng xuất kho...việc lựa chọn phương pháp nào còn tùy thuộc vào đặc điểm của hàng tồn kho, yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp.

Song doanh nghiệp áp dụng phương pháp nào đòi hỏi phải nhất quán trong suốt niên độ kế toán. Nếu có sự thay đổi phải giải trình và thuyết minh, nêu rõ những tác động của sự thay đổi tới các báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Để tính giá hàng tồn

kho xuất, doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các phương pháp sau đây:

*** Phương pháp giá thực tế đích danh.**

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

*** Phương pháp giá bình quân:**

+ *Theo giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ*

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá mua, giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế vật tư, sản phẩm, hàng hoá tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế vật tư, sản phẩm, hàng hoá nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng vật tư, sản phẩm, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng vật tư, sản phẩm, hàng hoá nhập trong kỳ}}$$

- Ưu điểm : khá đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.
- Nhược điểm : công tác kế toán dồn vào cuối kỳ ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Hơn nữa, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế

toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

+ Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hoá, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Căn cứ vào giá đơn vị bình quân và lượng xuất giữa 2 lần nhập kế tiếp để tính giá xuất theo công thức sau:

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế vật tư, sản phẩm, hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng vật tư, sản phẩm, hàng hoá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít

* Phương pháp nhập trước xuất trước(FIFO)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Ưu điểm: có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý.

- Nhược điểm: là làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Hàng hoá tồn kho cuối kỳ có thể của nhiều lần nhập kho khác

nhau, do vậy trị giá hàng tồn kho được tính theo nhiều giá khác nhau nên việc xác định trị giá hàng tồn kho sẽ phức tạp hơn và dễ gây ra sự nhầm lẫn, đồng thời phương pháp tính giá này gây nên tình trạng phản ánh chi phí không theo kịp với sự biến động giá cả của thị trường.

*Phương pháp nhập sau - xuất trước(LIFO)

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

Việc thực hiện phương pháp này sẽ đảm bảo được yêu cầu của nguyên tắc phù hợp trong kế toán. Tuy nhiên, trị giá vốn của hàng tồn kho cuối kỳ có thể không sát với giá thị trường của hàng thay thế.

*Phương pháp giá hạch toán.

Đối với các doanh nghiệp có nhiều loại hàng, giá cả thường xuyên biến động, nghiệp vụ nhập xuất hàng diễn ra thường xuyên thì việc hạch toán theo giá thực tế trở nên phức tạp, tốn nhiều công sức và nhiều khi không thực hiện được. Do đó việc hạch toán hàng ngày nên sử dụng giá hạch toán.

Giá hạch toán là loại giá ổn định, doanh nghiệp có thể sử dụng trong thời gian dài để hạch toán nhập, xuất, tồn kho hàng trong khi chưa tính được giá thực tế của nó. Doanh nghiệp có thể sử dụng giá kế hoạch hoặc giá mua hàng hoá ở một thời điểm nào đó hay giá hàng bình quân tháng trước để làm giá hạch toán. Sử dụng giá hạch toán để giảm bớt khối lượng cho công tác kế toán nhập xuất hàng hàng ngày nhưng cuối tháng phải tính chuyển giá hạch toán của hàng xuất, tồn kho theo giá thực tế.

Việc tính chuyển dựa trên cơ sở hệ số giữa giá thực tế và giá hạch toán.

$$\text{Hệ số giá vật tư, sản phẩm, hàng hoá} = \frac{\text{Trị giá thực tế vật tư, sản phẩm, hàng hoá tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế vật tư, sản phẩm, hàng hoá nhập kho trong kỳ}}{\text{Trị giá hạch toán vật tư, sản phẩm, hàng hoá tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hạch toán vật tư, sản phẩm, hàng hoá nhập kho trong kỳ}}$$

Sau khi tính hệ số giá, kế toán tiến hành điều chỉnh giá hạch toán trong kỳ thành giá thực tế vào cuối kỳ kế toán

$$\begin{aligned} \text{Trị giá thực tế hàng xuất} &= \text{Hệ số giá} \times \text{Trị giá hạch toán của hàng xuất kho trong kỳ} \\ \text{trong kỳ} & \\ \text{Trị giá thực tế hàng tồn kho} &= \text{Hệ số giá} \times \text{Trị giá hạch toán của hàng tồn kho cuối kỳ} \\ \text{cuối kỳ} & \end{aligned}$$

Phương pháp này phù hợp với các doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng và đội ngũ kế toán có trình độ chuyên môn cao. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, giá thực tế của hàng nhập kho luôn biến động phụ thuộc vào các yếu tố thị trường, các chính sách điều tiết vi mô và vĩ mô, cho nên việc sử dụng giá hạch toán cố định trong suốt kỳ kế toán là không còn phù hợp nữa.

1.2.2.2. Chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

1.2.2.3. Chi phí bán hàng

Là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

- *Chi phí nhân viên bán hàng*: là toàn bộ các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hoá,...bao gồm tiền lương, tiền ăn ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp....
- *Chi phí vật liệu, bao bì*: là các khoản chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hoá, trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản tài sản cố định,... dùng cho bộ phận bán hàng.
- *Chi phí dụng cụ đồ dùng*: là chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc,...
- *Chi phí khấu hao tài sản cố định*: là chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện bốc dỡ, vận chuyển, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng,...

- *Chi phí bảo hành* : là các khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá
- *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như: chi phí thuê ngoài sửa chữa tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu,...
- *Chi phí bằng tiền khác*: là các khoản chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã kể trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, quảng cáo, chi phí hội nghị khách hàng...

1.2.2.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý tài chính và quản lý điều hành chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- *Chi phí nhân viên quản lý*: là toàn bộ các khoản phải trả cho nhân viên quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.
- *Chi phí vật liệu quản lý*: là các khoản chi phí vật liệu, xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm,...vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ,...
- *Chi phí đồ dùng văn phòng*: là chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý.
- *Chi phí khấu hao tài sản cố định*: là chi phí khấu hao tài sản cố định dùng chung cho doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải truyền dẫn, máy móc thiết bị quản lý dùng trên văn phòng,...
- *Thuế, phí, và lệ phí*: là các khoản chi phí về thuế, phí và lệ phí như thuế môn bài, tiền thuê đất,...và các khoản phí, lệ phí khác.
- *Chi phí dự phòng*: là các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp; các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế,...(không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý doanh nghiệp, tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu phụ.
- *Chi phí bằng tiền khác*: là các khoản chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã kể trên, như chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ,...

1.2.2.5. Chi phí khác

Là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán(nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí khác.

1.2.2.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Là khoản chi phí phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN phải nộp.

1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được xác định theo từng kỳ kế toán. Kỳ kế toán để xác định lợi nhuận thường là một tháng, một quý hoặc một năm. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được hình thành từ tổng hợp kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh chính, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- **Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí nâng cấp, sửa chữa, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý...), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Kết quả hoạt động tài chính:** Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- **Kết quả hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công thức xác định lợi nhuận của doanh nghiệp:

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	Chi phí thuế TNDN				
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	+	Thu nhập khác	-	Chi phí khác		
Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác				
Lợi nhuận HĐTC	=	Doanh thu HĐTC	-	Chi phí tài chính				
Lợi nhuận hoạt động SXKD	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng, chi phí QLDN

1.3. Nội dung của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, bán hàng nội bộ

1.3.1.1. Các chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (Mẫu 01- GTKT)
- Hóa đơn bán hàng (Mẫu 02 – GTTT)
- Phiếu thu, phiếu kế toán
- Giấy báo có của ngân hàng, sổ phụ ngân hàng
- Chứng từ liên quan khác : phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng bị trả lại...

1.3.1.2. Tài khoản sử dụng:

- **Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- **Bên Nợ:**

- + Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;
- + Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;
- + Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;
- + Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;
- + Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;
- + Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Bên có:

- + Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

- TK 511 không có số dư cuối kỳ, TK 511 có 05 tài khoản cấp 2:

- + *TK 5111- Doanh thu bán hàng hoá:* Chủ yếu dùng cho các doanh nghiệp kinh doanh hàng hoá, vật tư, lương thực,...
- + *TK 5112- Doanh thu bán các thành phẩm:* Chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp,...
- + *TK 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ:* Chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán.
- + *TK 5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá:* được dùng để phản ánh các khoản doanh thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ công cộng theo yêu cầu của Nhà nước.
- + *TK 5117-Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư:* được dùng để phản ánh doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư

➤ **Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ**

- Bên nợ:

- + Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;
- + Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ;

- + Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;
- + Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản 911.

- Bên Có:

Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán

- Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ, TK 512 có 03 tài khoản cấp 2:

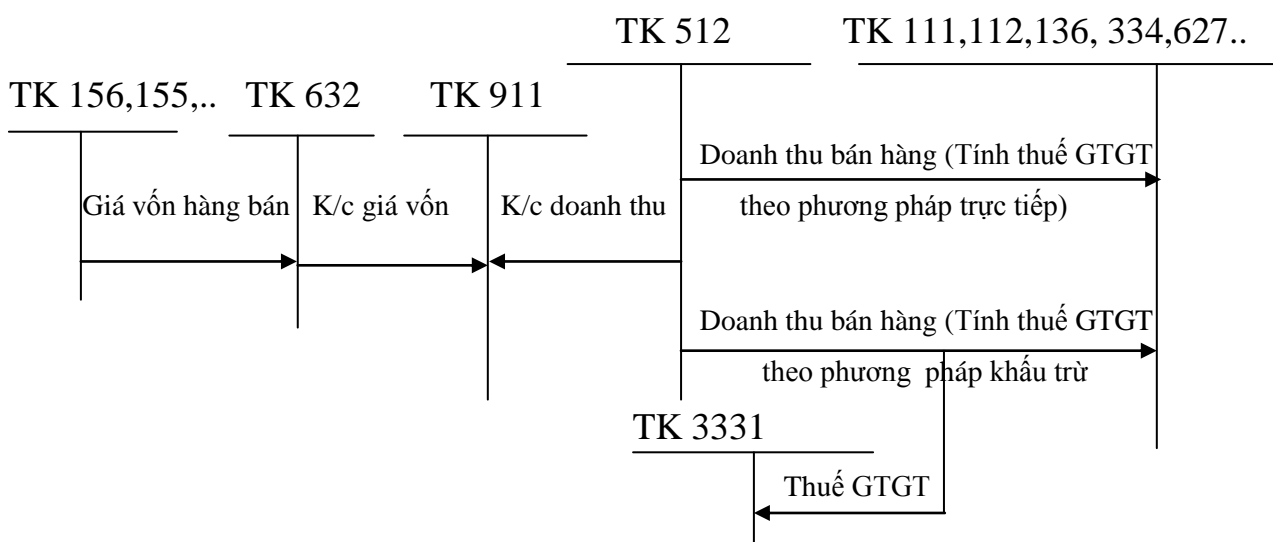
- + TK 5121- Doanh thu bán hàng hóa: Chủ yếu dùng cho các doanh nghiệp thương mại như doanh nghiệp cung ứng vật tư, lương thực;...
- + TK 5122- Doanh thu bán các thành phẩm: Chủ yếu dùng cho các doanh nghiệp sản xuất như công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, xây lắp,...
- + TK 5123- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Chủ yếu dùng cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ như giao thông vận tải, du lịch, bưu điện, ...

1.3.1.3. Sổ sách sử dụng (áp dụng cho hình thức kế toán nhật ký chung)

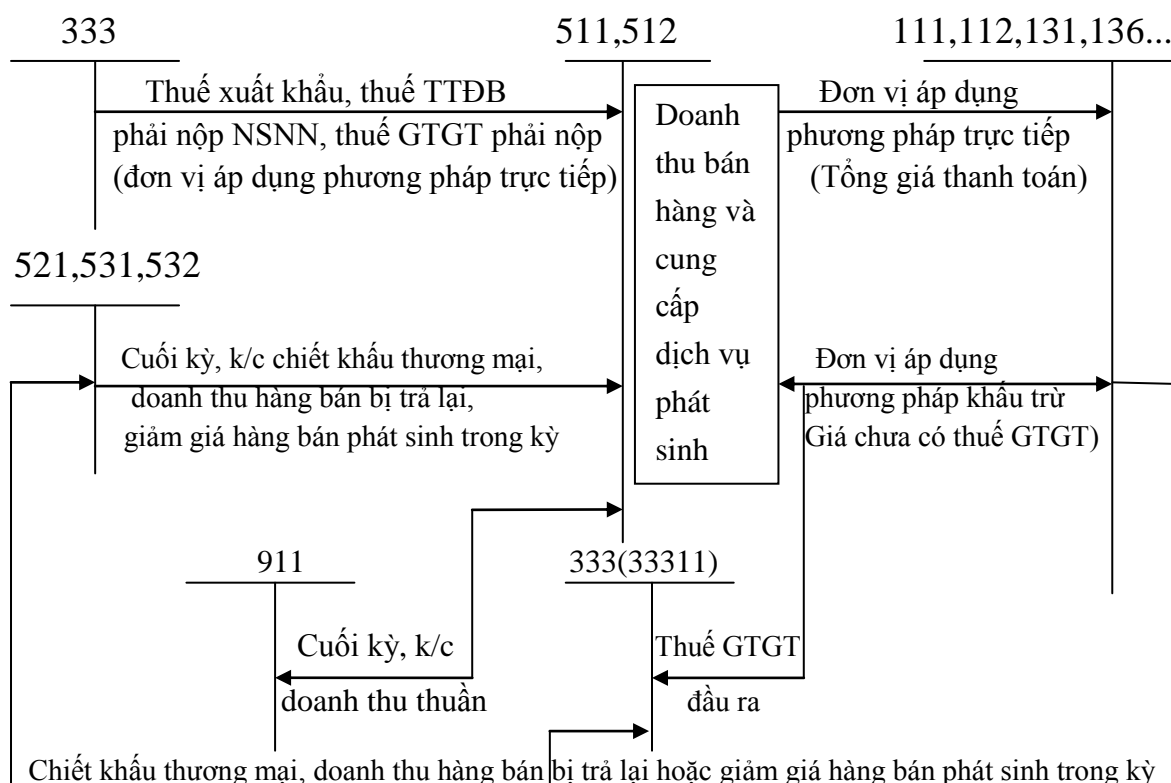
- Sổ cái các TK 511, TK 512
- Sổ chi tiết TK511, TK512
- Nhật ký chung
- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra
- Báo cáo tài chính

1.3.1.4. Sơ đồ hạch toán:

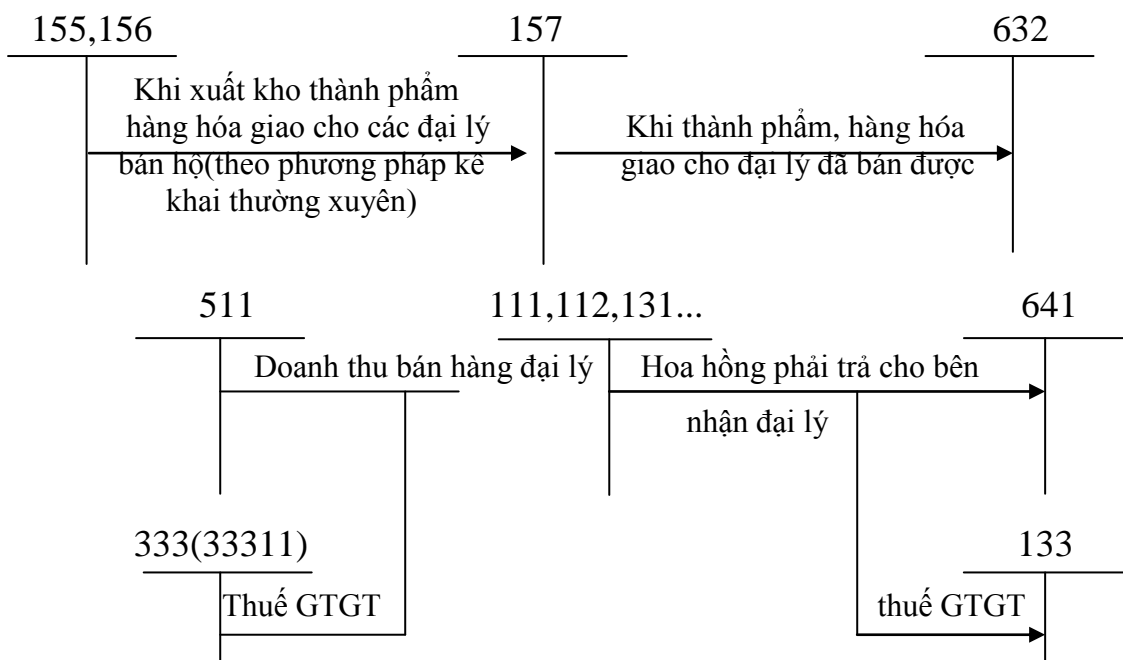
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng tiêu thụ nội bộ



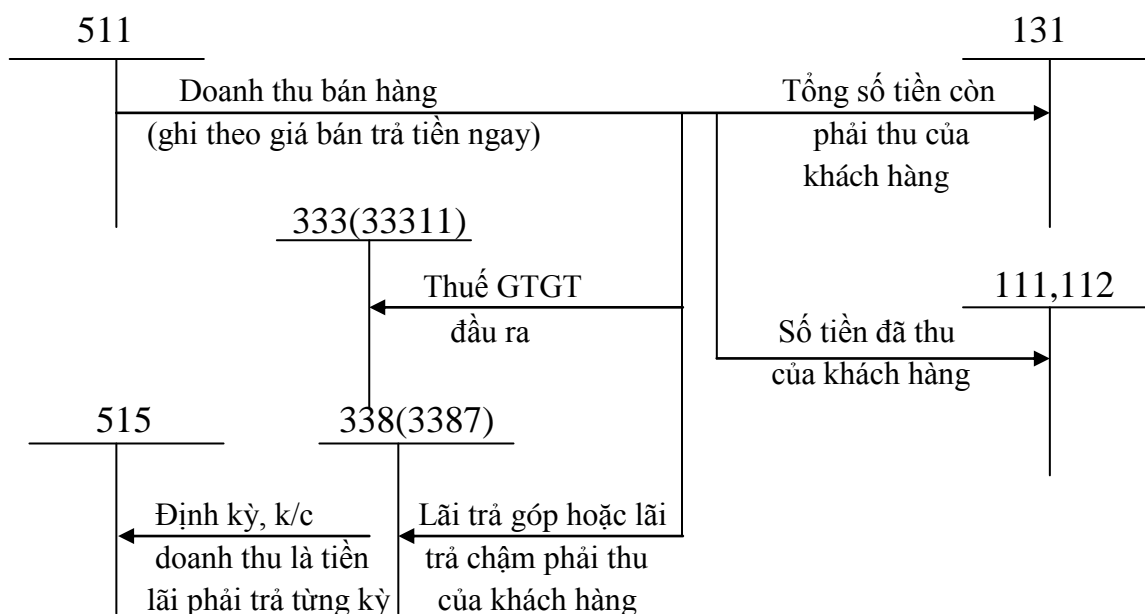
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Sơ đồ 1.3 : Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng thông qua đại lý(theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)



Sơ đồ 1.4: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp



1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.3.2.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại
- Phiếu chi, Phiếu kế toán
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ khác có liên quan

1.3.2.2. Tài khoản sử dụng

➤ **TK 521- Chiết khấu thương mại**

- **Bên nợ** : Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

- **Bên Có**:

+ Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

- **Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ, có 3 TK cấp 2:**

+ Tài khoản 5211 - Chiết khấu hàng hoá: Phản ánh toàn bộ số tiền chiết khấu thương mại (tính trên khối lượng hàng hoá đã bán ra) cho người mua hàng hoá.

+ Tài khoản 5212 - Chiết khấu thành phẩm: Phản ánh toàn bộ số tiền chiết khấu thương mại tính trên khối lượng sản phẩm đã bán ra cho người mua thành phẩm.

+ Tài khoản 5213 - Chiết khấu dịch vụ: Phản ánh toàn bộ số tiền chiết khấu thương mại tính trên khối lượng dịch vụ đã cung cấp cho người mua dịch vụ.

➤ **TK 531- Hàng bán bị trả lại**

- **Bên nợ :**

+ Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

- **Bên có:**

+ Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo

- **TK 531 không có số dư cuối kỳ**

➤ **TK 532 – Giảm giá hàng bán**

- **Bên nợ :**

+ Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

- **Bên có :**

+ Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 hoặc tài khoản 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo

- **TK 532 không có số dư cuối kỳ**

➤ **Các khoản thuế làm giảm doanh thu**

TK 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt, **TK 3333**- Thuế xuất khẩu và **TK 3331** Thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT của hàng hóa dịch vụ} \times \text{Thuế suất thuế GTGT(\%)}$$

$$\text{GTGT của hàng hóa dịch vụ} = \text{Giá thanh toán của hàng hóa dịch vụ bán ra} - \text{Giá thanh toán của hàng hóa dịch vụ mua vào tương ứng}$$

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \text{Giá tính thuế TTĐB} \times \text{Thuế suất}$$

- Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hoá mà hàng hoá đó phải chịu thuế xuất khẩu.

$$\text{Thuế xuất khẩu} = \text{Trị giá tính thuế} \times \text{Thuế suất thuế xuất khẩu}$$

1.3.2.3.Sổ sách sử dụng (áp dụng cho hình thức kế toán nhật ký chung)

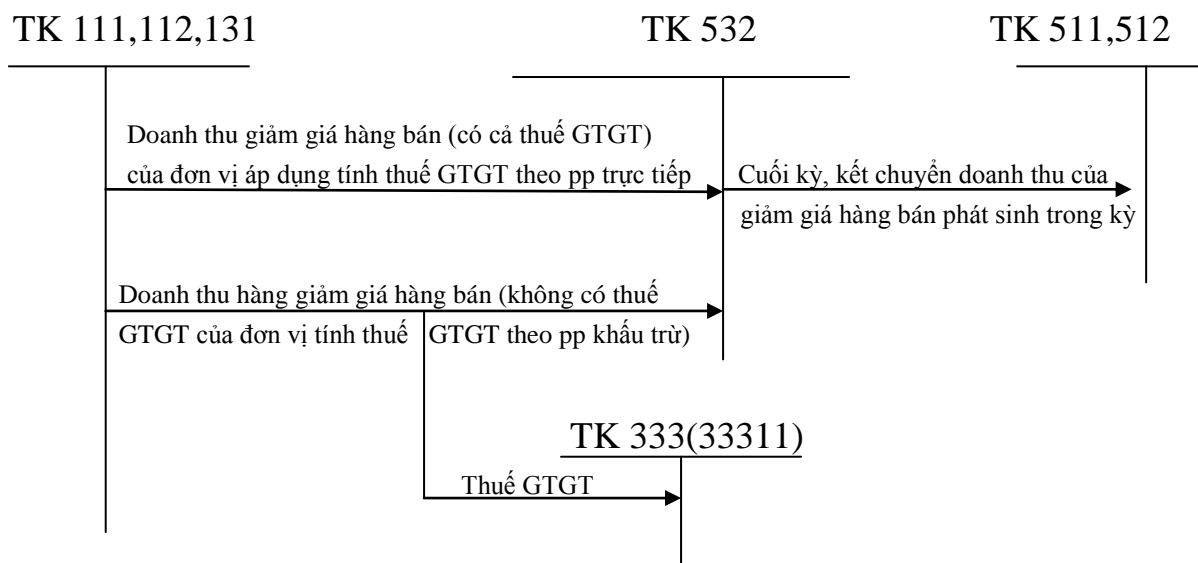
- Sổ cái TK 511,521,531,532,632

- Sổ chi tiết các TK 511.512,333

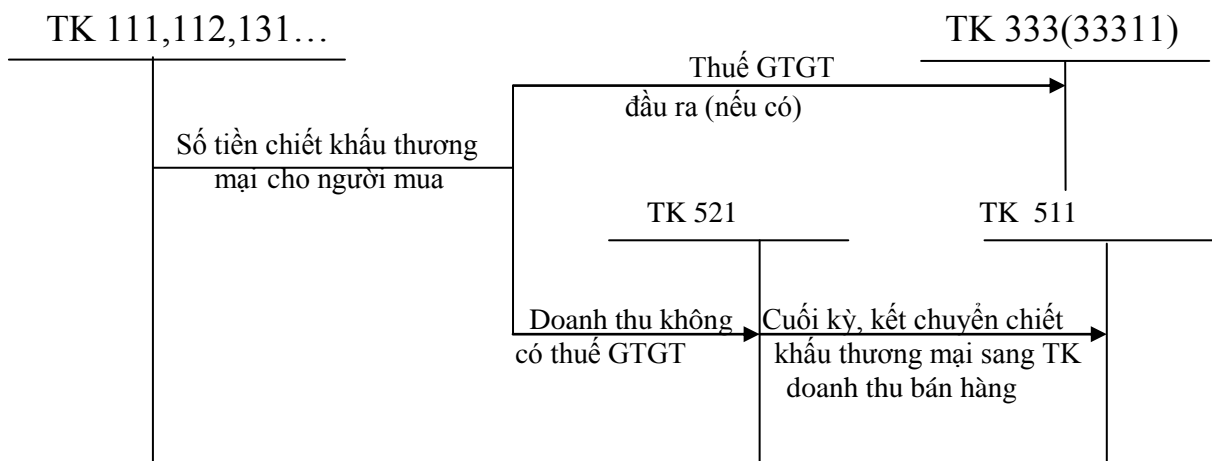
- Bảng tổng hợp chi tiết TK

1.3.2.4. Sơ đồ hạch toán

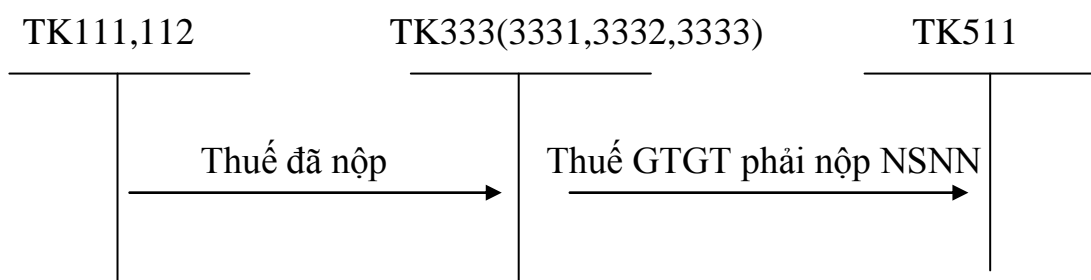
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán



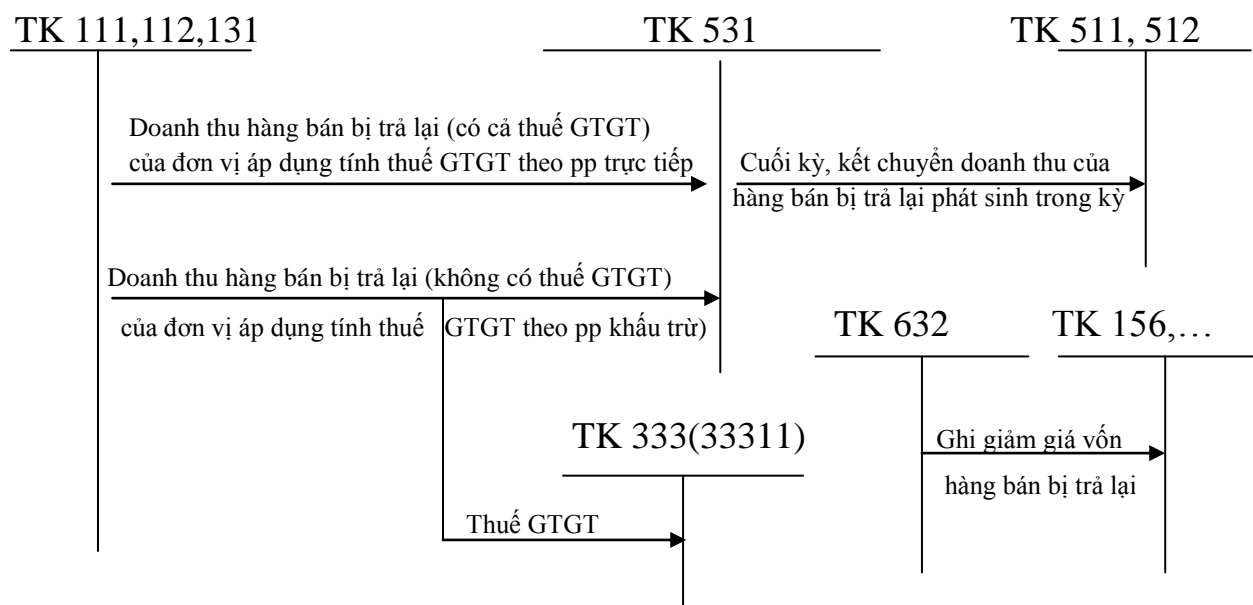
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán các khoản thuế làm giảm doanh thu



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại



1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi
- Và các chứng từ khác có liên quan.

➤ **Tài khoản sử dụng.**

TK632 – Giá vốn hàng bán.

Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo PP kê khai thường xuyên:

- Bên nợ :

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh :
 - + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ;
 - + Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;

+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi đã trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- *Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, phản ánh :*

+ Số khấu hao bất động sản đầu tư trích lập trong kỳ;

+ Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo bất động sản đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá bất động sản đầu tư;

+ Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động bất động sản đầu tư trong kỳ;

+ Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư bán, thanh lý trong kỳ;

+ Chi phí của các nghiệp vụ bán, thanh lý bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ.

- ***Bên có:***

+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;

+ Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;

+ Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

+ Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo PP kiểm kê định kỳ

- *Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại*

- ***Bên nợ:***

+ Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ;

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

- ***Bên có:***

+ Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ;

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)

+ Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên nợ tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.

- *Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ*

- Bên nợ:

+ Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

+ Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

- Bên có:

+ Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ tài khoản 155 – thành phẩm;

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết);

+ Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911- xác định kết quả kinh doanh.

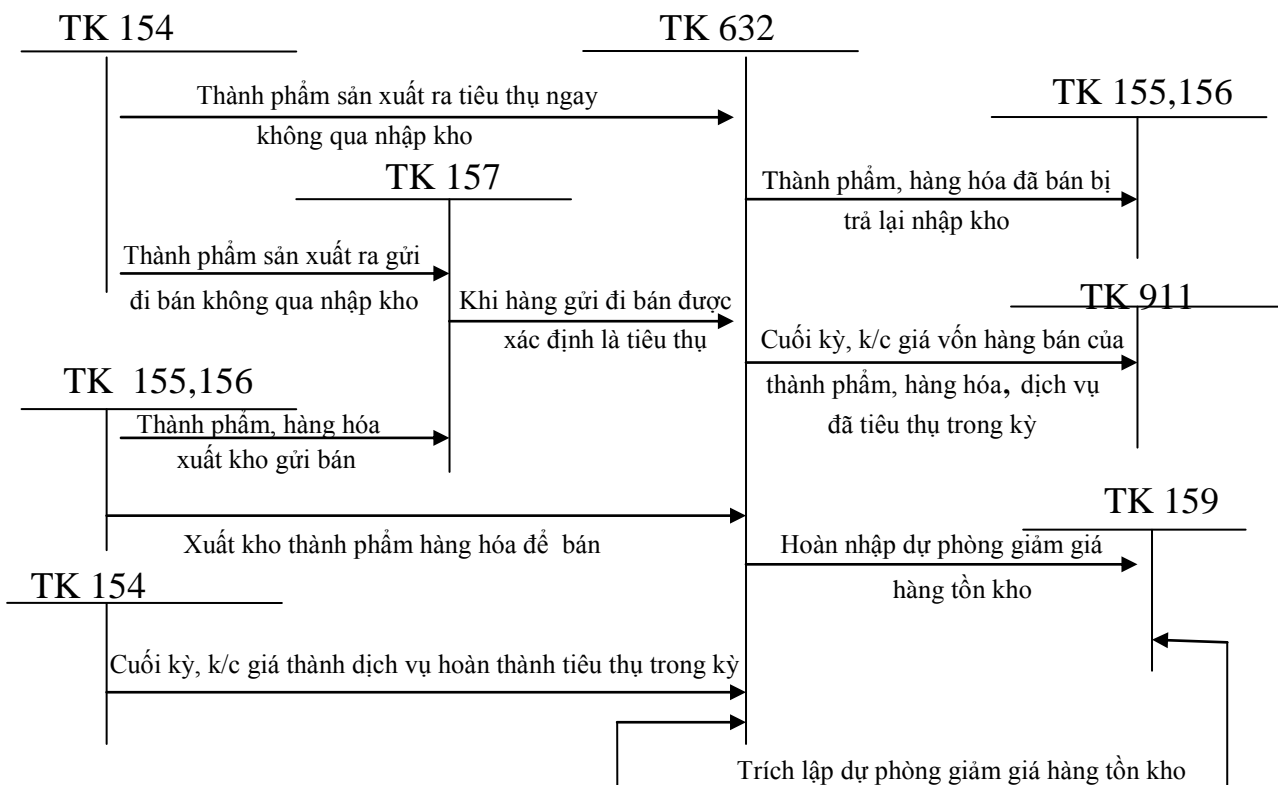
- TK 632 không có số dư cuối kỳ

➤ **Sổ sách sử dụng (áp dụng cho hình thức kế toán nhật ký chung)**

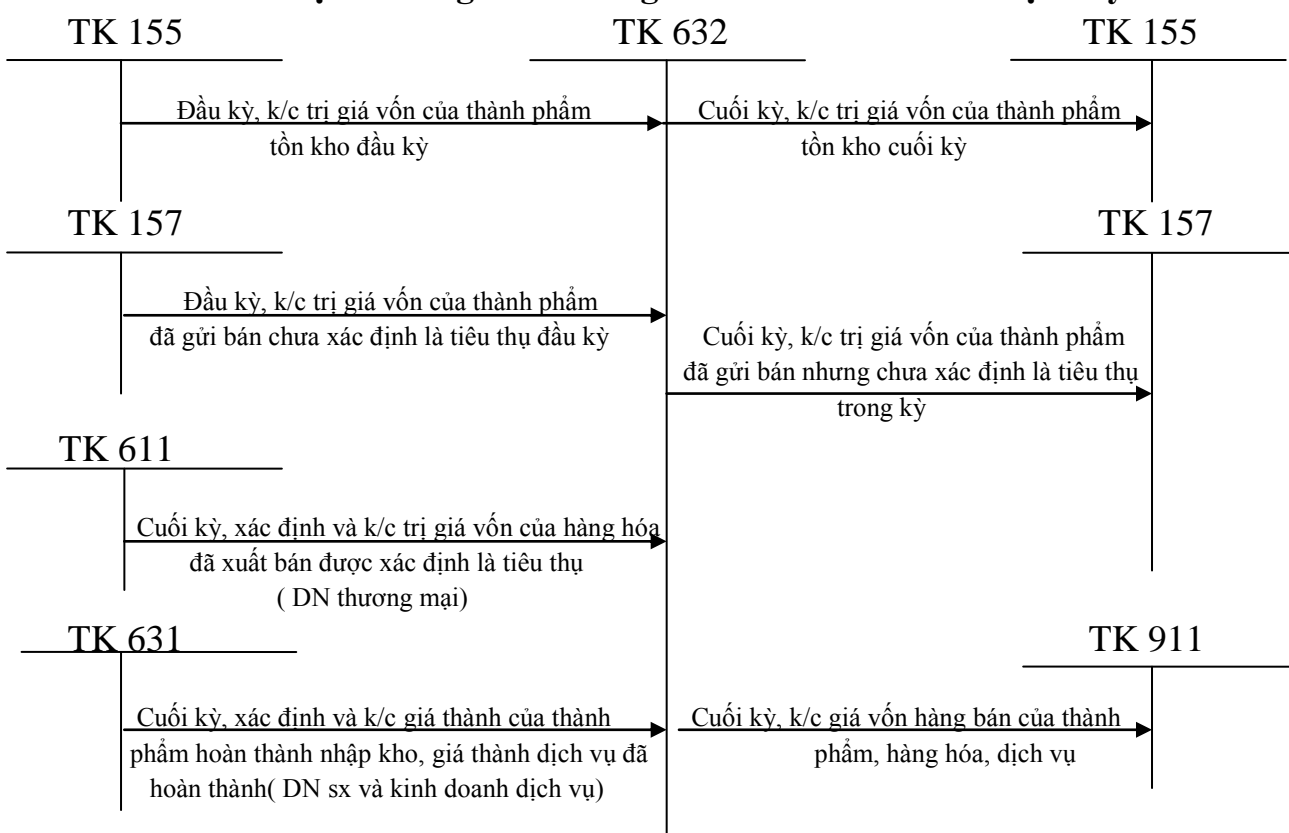
- Sổ cái TK 632
- Sổ chi tiết giá vốn
- Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản
- Sổ nhật ký chung

➤ **Sơ đồ hạch toán:**

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ



1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**➤ Chứng từ sử dụng:**

- Bảng tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi, hóa đơn GTGT
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ
- Các chứng từ kế toán khác

➤ Tài khoản sử dụng:**TK 641- Chi phí bán hàng, có 07 tài khoản cấp 2:**

- 6411: Chi phí nhân viên
- 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- 6415: Chi phí bảo hành
- 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- 6418: Chi phí khác bằng tiền

- Bên Nợ:

+ Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ

- Bên Có:

+ Kết chuyển CP bán hàng vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ

- Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ**TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp Có 08 tài khoản cấp 2:**

- 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- 6423: Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng
- 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- 6425: Thuế ,phí, lệ phí
- 6426: Chi phí dự phòng

- 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- 6428: Chi phí khác bằng tiền

- Bên Nợ:

- + Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- + Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- + Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

- Bên Có:

- + Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- + Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

➤ **Sổ sách kế toán sử dụng (áp dụng theo hình thức kế toán nhật ký chung)**

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 641, TK 642, TK111, TK 331...

*** **Đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ:** khi hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ta sử dụng tài khoản 642- chi phí quản lý kinh doanh. Kết cấu tài khoản:

- Bên nợ: phản ánh chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ

- Bên có:

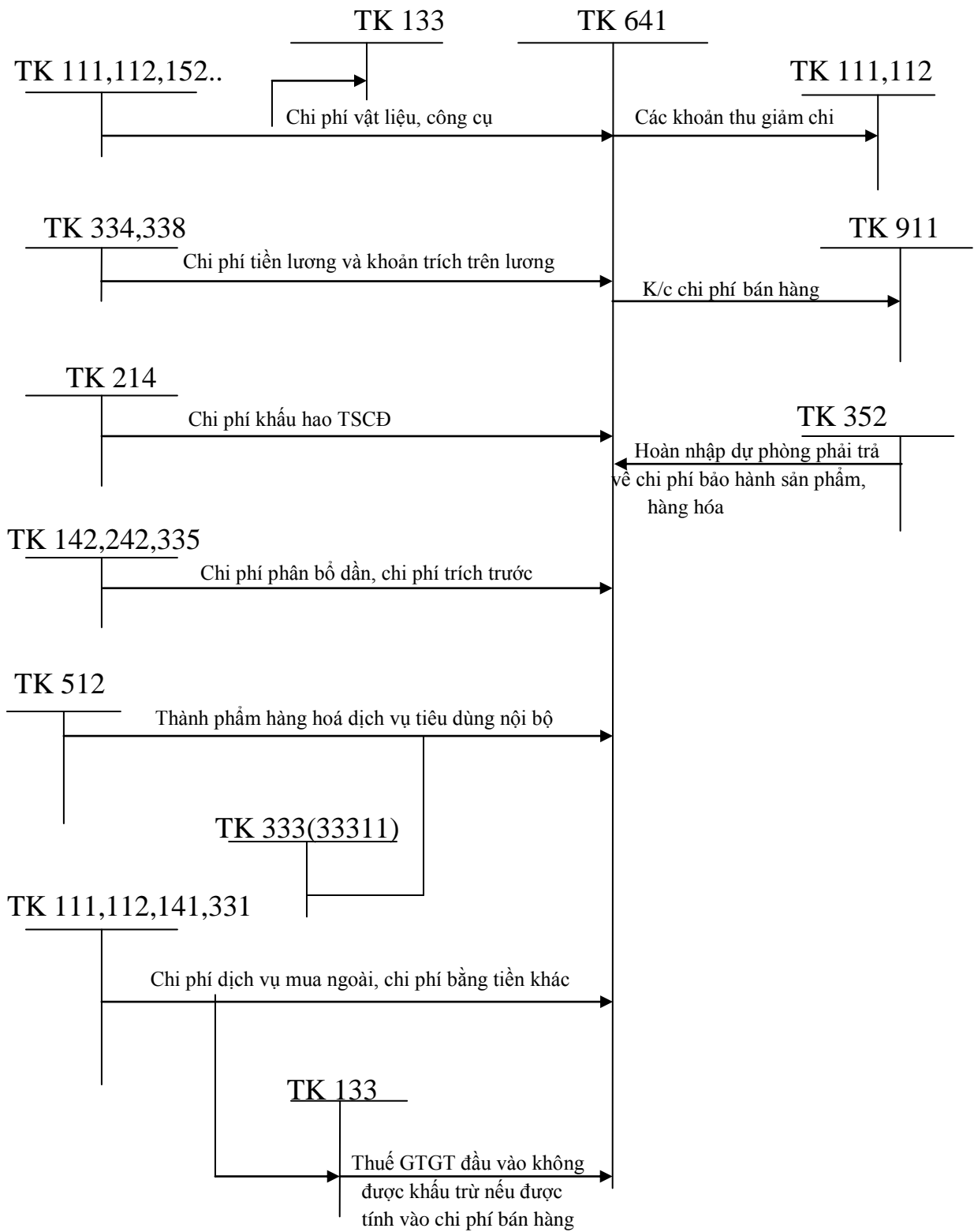
- + Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ;
- + Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911- xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ, có 02 tài khoản cấp 2:

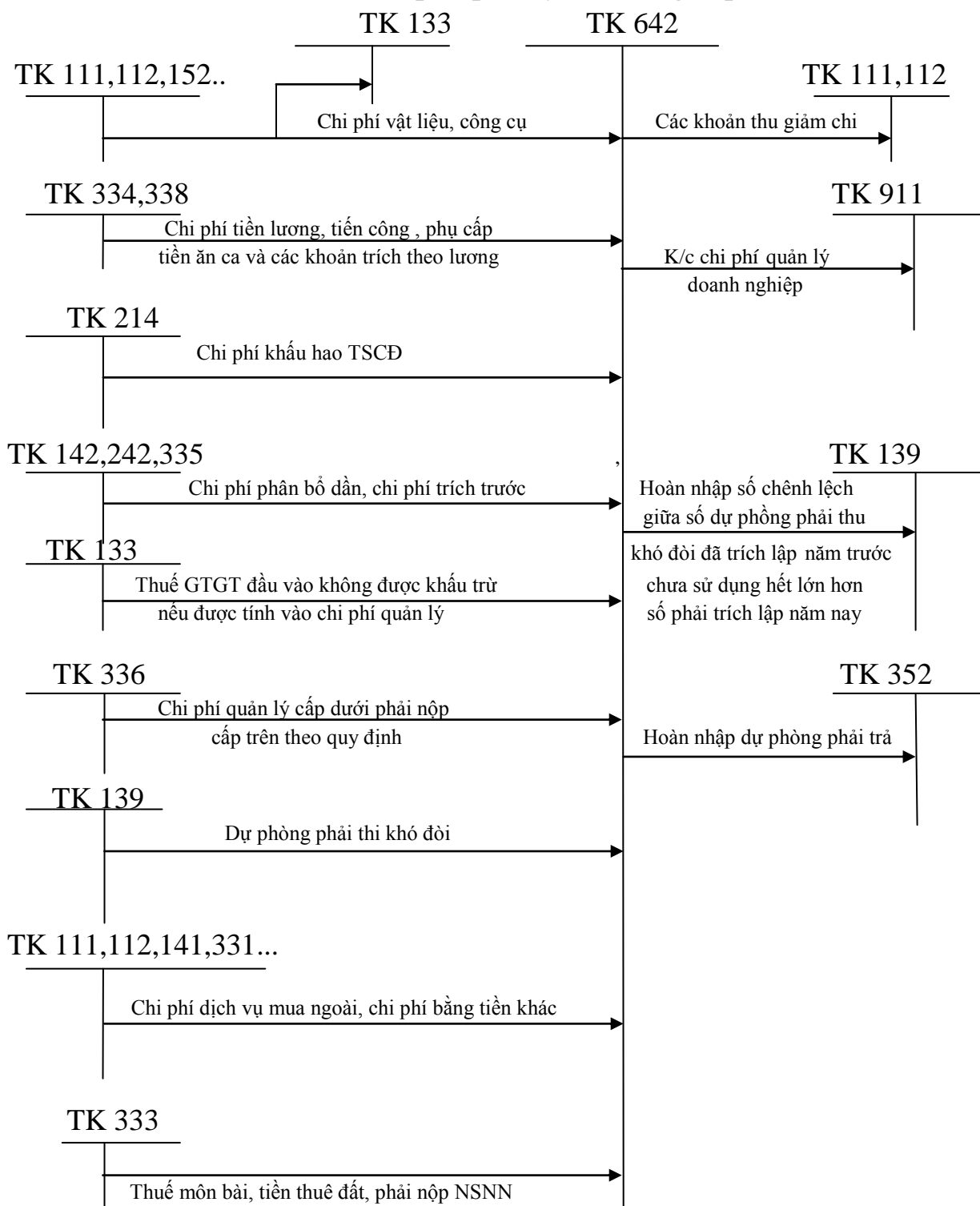
- + TK 6421- chi phí bán hàng
- + TK 6422- chi phí quản lý doanh nghiệp

➤ **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.3.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

- **Chứng từ sử dụng**
- Phiếu thu, phiếu chi, phiếu kế toán
- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Sổ phụ ngân hàng

➤ **Tài khoản sử dụng**

TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính

- Bên nợ:

- + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- Bên Có:

- + Tiền lãi cổ tức và lợi nhuận được chia;
- + Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- + Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- + Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- + Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;
- + Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh.

-Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính

- Bên Nợ:

- + Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- + Lỗ ngoại tệ;
- + Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- + Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư ;
- + Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);

- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- + Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

- Bên Có:

- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

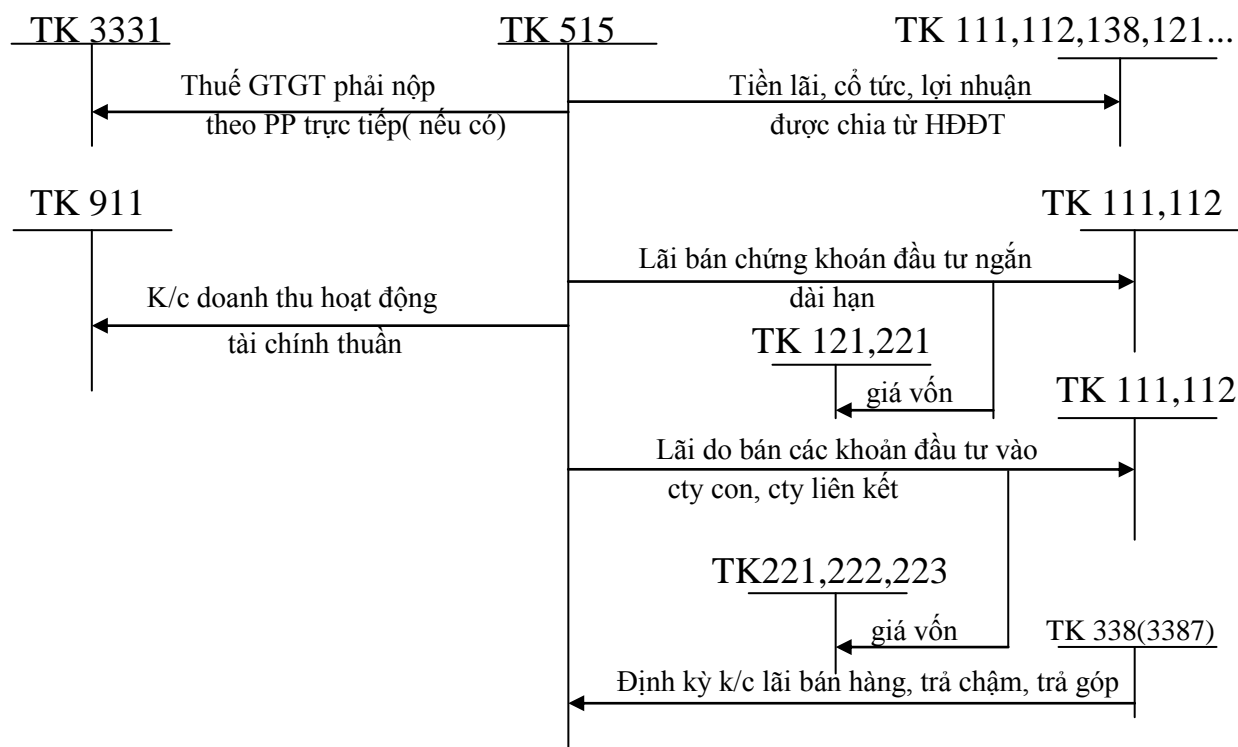
➤ **Sổ sách sử dụng (áp dụng theo hình thức kế toán nhật ký chung)**

- Sổ cái TK 515, TK 635,

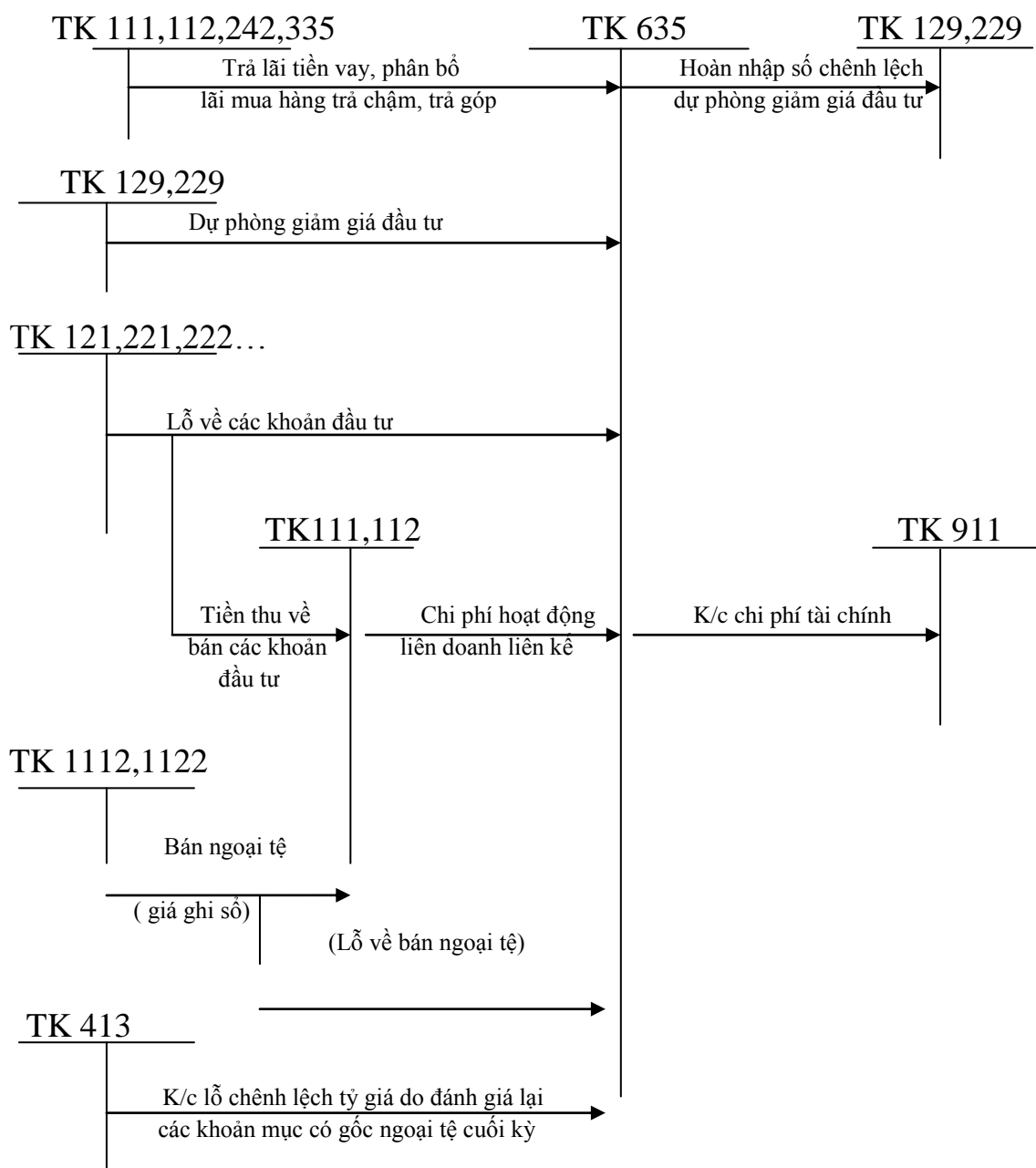
- Sổ nhật ký chung

➤ **Sơ đồ hạch toán:**

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính



1.3.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu, phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Biên bản thanh lý tài sản cố định

➤ **Tài khoản sử dụng**

TK 711 "Thu nhập khác" Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 711 như sau:

- Bên Nợ:

- + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- + Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- Bên Có:

- + Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

- Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ**TK 811: "Chi phí khác"****- Bên Nợ:**

- + Các khoản chi phí khác phát sinh.

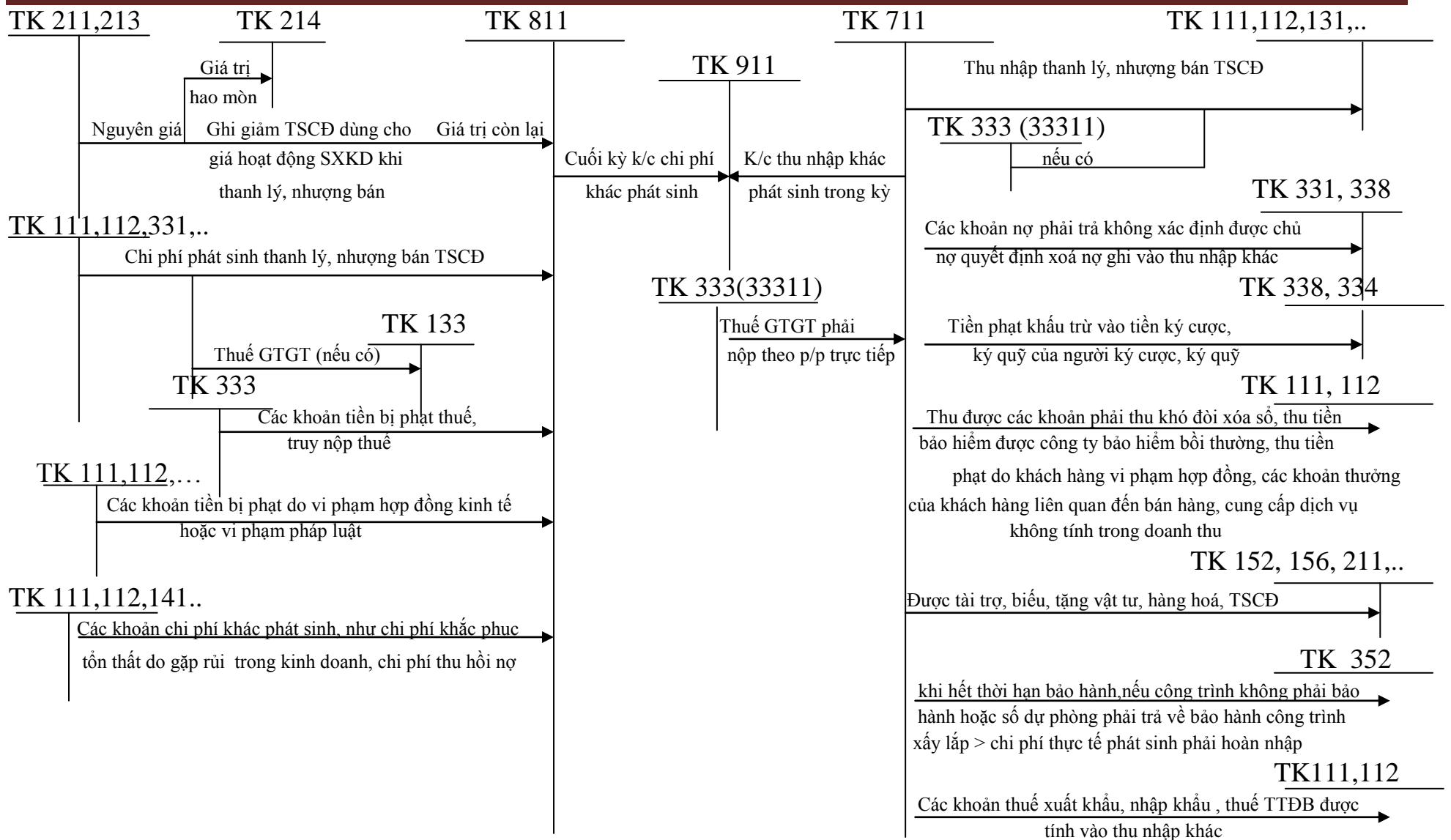
- Bên Có:

- + Cuối kỳ kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ**➤ Sổ sách sử dụng (áp dụng cho hình thức kế toán nhật ký chung)**

- Sổ cái TK 711, TK 811..
- Sổ nhật ký chung

➤ Sơ đồ hạch toán**Sơ đồ 1.15 : Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác**



1.3.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- **Chứng từ sử dụng:** Phiếu kế toán
- **Tài khoản sử dụng:**

TK 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**- Bên nợ:**

- + Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm;
- + Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại;
- + Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (là chênh lệch giữa thuế Thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);
- + Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);
- + Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên có TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên nợ TK 8212- chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong kỳ vào bên có TK 911- xác định kết quả kinh doanh.

- Bên có:

- + Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập hiện hành đã ghi nhận trong năm;
- + Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại;
- + Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm);
- + Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế TNDN hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);

+ Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào TK 911- xác định kết quả kinh doanh;

+ Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên có TK 8212 – chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh vào bên nợ TK 911- xác định kết quả kinh doanh.

- TK 821 không có số dư cuối kỳ, gồm có 02 tài khoản cấp 2:

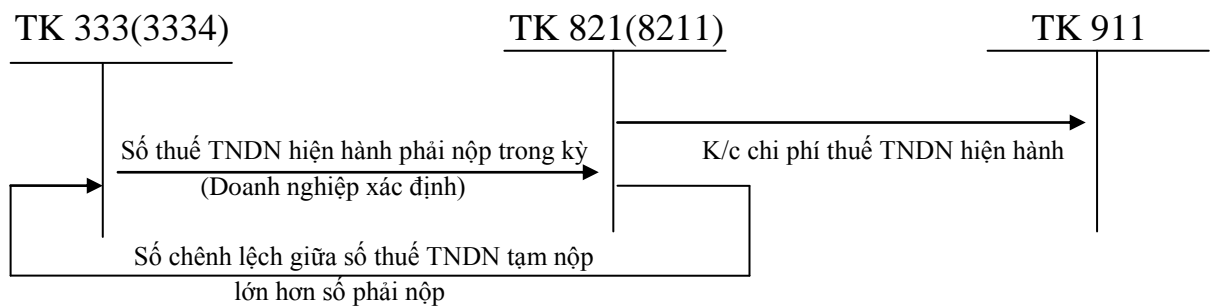
+ TK 8211- chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;

+ TK 8212- chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

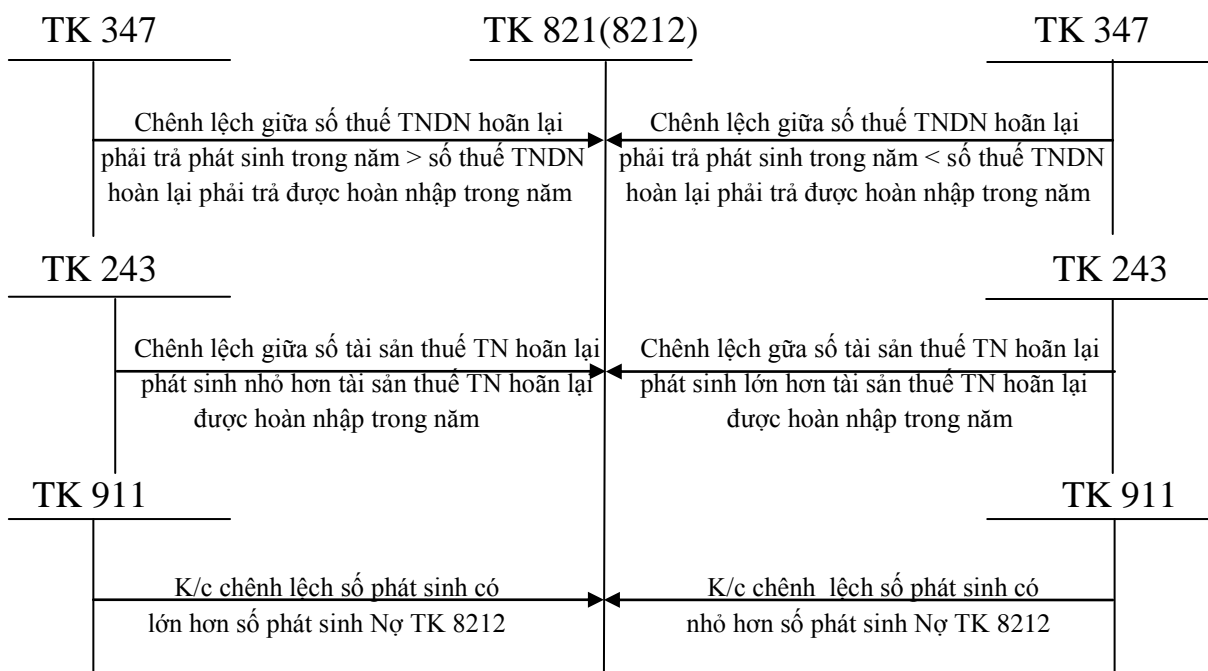
➤ **Sổ sách sử dụng:** sổ cái TK 821, sổ nhật ký chung

➤ **Sơ đồ hạch toán:**

Sơ đồ 1.16: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế TNDN hiện hành



Sơ đồ 1.17: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế TNDN hoãn lại



1.3.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

- **Chứng từ sử dụng:** phiếu kế toán
- **Tài khoản sử dụng:**

TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

- Bên nợ:

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- + Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác;
- + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- + Kết chuyển lãi.

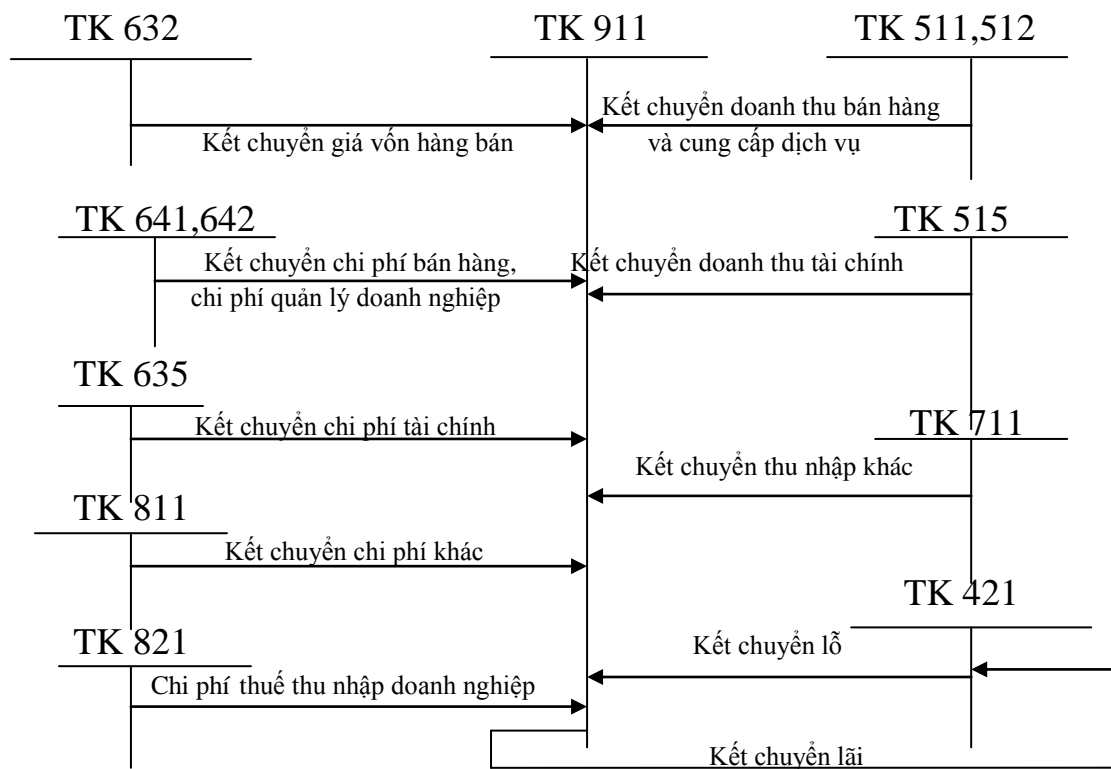
- Bên có:

- + Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa , bất động sản đầu tư và dịch vụ bán trong kỳ;
- + Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN
- + Kết chuyển lỗ.

- TK 911 không có số dư cuối kỳ.

- **Sổ sách sử dụng:** sổ cái TK 911,TK 421; sổ nhật ký chung
- **Sơ đồ hạch toán:**

Sơ đồ 1.18: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



1.4. Các hình thức sổ kế toán áp dụng

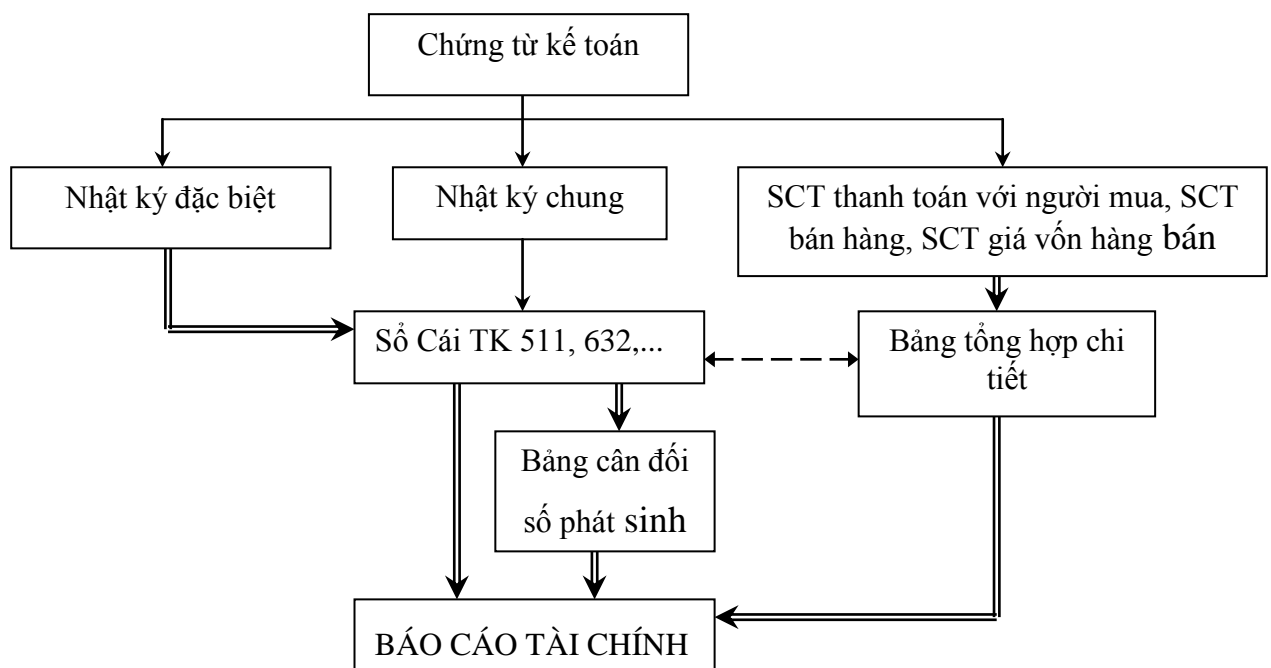
Doanh nghiệp áp dụng một trong các hình thức sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái
- Hình thức kế toán nhật ký - chứng từ
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

Em xin được đi sâu vào tìm hiểu hình thức kế toán mà Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh áp dụng, công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

Đây là hình thức kế toán phù hợp với mọi loại hình đơn vị đặc biệt là đơn vị vừa và nhỏ, doanh nghiệp áp dụng kế toán máy. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán này là: tất cả nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào sổ nhật ký, trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo thứ tự thời gian phát sinh và định khoản các nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để chuyển ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các loại sổ sách chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung, Sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái,
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



Ghi chú

→ Ghi hàng ngày

↔ Đối chiếu

⇒ Ghi cuối tháng, định kỳ

CHƯƠNG II

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI QUỐC TẾ BẢO LINH**

2.1. Khái quát chung về Công ty CP thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh
- Tên giao dịch tiếng anh : Bao Linh International Trade and Transport Joint Stock Company
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 356 Đà Nẵng, Đoạn Xá 1, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng
- Số điện thoại: 031.3825343
- Số Fax: 031.3753364
- Mã số thuế: 0200639844
- Loại hình doanh nghiệp: là công ty cổ phần hoạt động theo luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001571 ngày 30/06/2005 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng.
- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng(năm tỷ đồng chẵn)
- Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng Số cổ phần: 50.000 cổ phần
- Công ty được thành lập trên cơ sở đồng thuận của các cổ đông và sự chấp thuận của cơ quan chức năng. Danh sách cổ đông góp vốn:

STT	Tên cổ đông	Số tiền góp vốn	Số cổ phần	Tỷ lệ góp
1	Đặng Quang Phi	2.500.000.000	25.000	50%
2	Đặng Quang Phong	1.500.000.000	15.000	30%
3	Vũ Trọng Tuyên	500.000.000	5.000	10%
4	Vũ Thị Thanh Huyền	500.000.000	5.000	10%

Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, có quyền và nghĩa vụ dân sự theo luật định, tự chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh tổng số vốn công ty quản lý. Công ty có con dấu riêng và mở tài khoản tại ngân hàng trong nước theo quy định của Nhà nước.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của công ty hiện nay:

- Dịch vụ nhận gửi, chuyển phát,
- Mua bán khoáng sản: Bột đá, dolomite...,
- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng container.

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh được thành lập để hoạt động kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao, tạo công ăn việc làm cho người lao động tăng lợi tức cho cổ đông và không ngừng đóng góp cho ngân sách Nhà nước theo luật định, phát triển công ty ngày càng vững mạnh trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh. Do hoạt động nhiều năm, có kinh nghiệm và uy tín trên thị trường nên việc sản xuất kinh doanh của Công ty rất thuận lợi, ngày càng phát triển và ký kết được hợp đồng có giá trị lớn. Doanh thu và lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước, Tạo công ăn việc làm cho người lao động và đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty trong 3 năm qua:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Tổng doanh thu	2.971.712.416	3.603.363.079	4.981.125.925
Tổng chi phí	2.927.272.167	3.545.064.420	4.902.726.473
Lợi nhuận trước thuế	44.440.249	58.298.659	78.399.452
Chi phí thuế TNDN	11.110.062	14.574.665	13.719.904
Lợi nhuận sau thuế	33.330.187	43.723.994	64.679.548

Thông qua số liệu trên, ta thấy tình hình kinh doanh của công ty có những chuyển biến tốt lên từng năm. Doanh thu năm 2009 đạt gần 3 tỷ, đến năm 2010 đã đạt trên 3,6 tỷ, gấp 1.4 lần so với năm trước. Năm 2011, tổng doanh thu đạt được trên 4,9 tỷ, tăng hơn 1.6 tỷ so với năm 2010, đóng góp vào ngân sách nhà nước gần 14 triệu. Lợi nhuận sau thuế năm 2011 tăng hơn 10 triệu so với năm 2010.

2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty

Bất kỳ công ty nào cũng có bộ máy quản lý dù là đơn giản nhất. Bộ máy quản lý của Công ty giúp cho từ thủ trưởng đến nhân viên làm việc có quy tắc, tạo phong cách làm việc có trình tự tổ chức nhằm đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo hình thức trực tuyến chức năng, nghĩa là các phòng ban của Công ty có liên hệ chặt chẽ với nhau và cùng chịu sự quản lý của Ban giám đốc.

Đặc điểm phân cấp chức năng nhiệm vụ của các phòng ban :

➤ *Giám đốc*: là người có quyền cao nhất điều hành mọi hoạt động của công ty, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hoạt động của Công ty.

➤ *Phó giám đốc*: là người hỗ trợ cho Giám đốc, thay mặt giám đốc giải quyết các công việc khi giám đốc đi vắng, trực tiếp điều hành công việc của phòng kinh doanh và phòng hành chính và chịu trách nhiệm trước giám đốc và pháp luật nhà nước về công việc do giám đốc ủy nhiệm.

➤ *Phòng tổ chức - hành chính*

+ Đảm nhận về công tác tổ chức bộ máy, sắp xếp lao động giải quyết các chính sách liên quan đến người lao động;

+ Xây dựng kế hoạch dài hạn về các phương án phát triển công ty;

+ Xây dựng phương án trả lương cho nhân viên và phương án sau khi được duyệt;

+ Tham mưu cho Giám đốc trong công tác thanh tra, bảo vệ nội bộ;

+ Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, khen thưởng kỷ luật, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp;...

+ Phụ trách công tác tạo môi trường làm việc lành mạnh cho công nhân viên.

➤ *Phòng kinh doanh*

+ Tham mưu giúp Giám đốc xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn;

+ Xây dựng kế hoạch mở rộng thị trường của Công ty;

+ Quản lý công việc kinh doanh: đóng hàng xuất, các loại hàng hóa dịch vụ của Công ty. Tìm kiếm thị trường nguồn hàng mới có chất lượng và giá cả tốt;

+ Kiểm tra đôn đốc các hoạt động khác của Công ty;

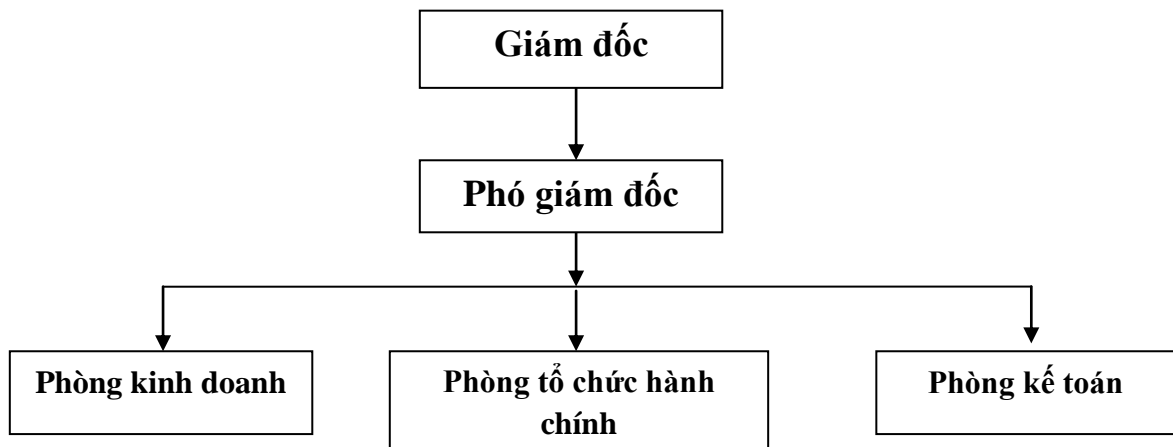
+ Xây dựng kế hoạch theo tháng, quý, năm;

- + Tổng hợp lập báo cáo về việc thực hiện kế hoạch của Công ty đã đề ra;
- + Tham mưu cho Giám đốc soạn thảo các hợp đồng kinh tế theo đúng nội dung của pháp lệnh hợp đồng kinh tế và các quy định khác của Nhà nước, đồng thời giúp Giám đốc giám sát quá trình thực hiện hợp đồng, phát hiện và đề xuất những biện pháp và giải pháp giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng.

➤ *Phòng kế toán*

- + Tham mưu giúp Giám đốc thực hiện các chế độ kế toán nhà nước hiện hành;
- + Xây dựng và triển khai kế hoạch thu chi vụ, tháng, quý, năm;
- + Theo dõi, hạch toán việc mua bán, chi phí, xuất nhập hàng hóa vật tư, thiết bị;
- + Kiểm tra, giám sát chi tiêu tài chính;
- + Hạch toán kế toán kết quả của sản xuất kinh doanh dịch vụ hàng quý, 6 tháng, cả năm.

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty



2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty

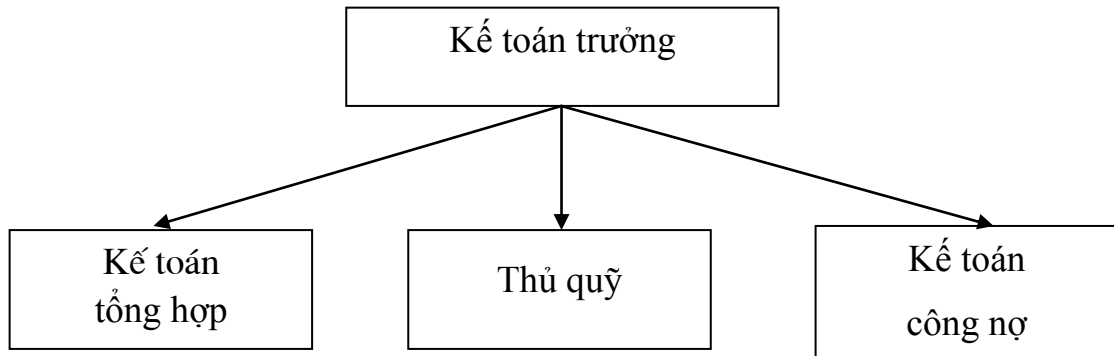
2.1.4.1. Đặc điểm cơ cấu tổ chức kế toán tại Công ty

Trong số các phòng ban chức năng thuộc bộ máy quản lý công ty, phòng kế toán tài chính là trung tâm quan trọng nhất. Đảm bảo tài chính, giám sát toàn bộ quá trình kinh doanh. Tham mưu cho Giám đốc về mọi mặt của quá trình kinh doanh.

Ngoài ra, phòng kế toán còn đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác và đầy đủ cho các đối tượng sử dụng thông tin. Kế toán viên phải phân loại chứng từ, kiểm tra chứng từ ban đầu, đăng ký, kiểm tra ghi sổ kế toán, ghi sổ chi tiết, tập

hợp sổ chi tiết thanh toán,... lập báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh phải đảm bảo trung thực, khách quan.

Sơ đồ 02 : Mô hình bộ máy kế toán



- **Kế toán trưởng** : có nhiệm vụ quản lý, tổ chức và điều hành toàn bộ công tác kế toán tài chính theo hoạt động chức năng chuyên môn, kiểm tra công tác hạch toán kế toán, thống kê do nhân viên kế toán thực hiện, tham mưu cho lãnh đạo công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh về công tác quản lý tài chính kinh tế như sử dụng vật tư, tiền vốn của công ty theo đúng chế độ, chính sách quy định tài chính mà nhà nước ban hành.

- **Kế toán tổng hợp**: Có trách nhiệm phụ trách bao quát tất cả các số liệu tiền lương, TSCĐ, NVL, giá thành, tiền mặt, TGNH và các khoản công nợ để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay cho giám đốc

- **Kế toán công nợ**: Chuyên theo dõi các chứng từ liên quan đến các khoản phải thu, phải trả.

- **Thủ quỹ**: Chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt, thực hiện thu- chi đối với các chứng từ thanh toán đã được cấp trên phê duyệt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê sổ quỹ tiền mặt thực tế đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt, ghi sổ kế toán chi tiết tiền mặt.

2.1.4.2. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty

• **Tổ chức hệ thống chứng từ - tài khoản kế toán:**

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ - tài khoản kế toán ban hành theo quyết định kế số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

• **Hình thức tổ chức hệ thống sổ sách kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh:**

+ Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

+ Niên độ kế toán : bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc là ngày 31/12 hàng năm

+ Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là : đồng VN

+ Phương pháp nộp thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ, hàng tháng công ty phải nộp từ khai thuế cho chi cục thuế quận Ngô Quyền

+ Phương pháp kế toán TSCĐ:

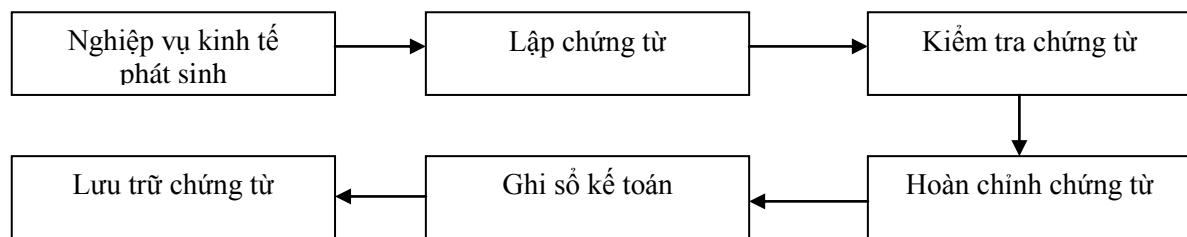
Nguyên tắc xác định nguyên giá tài sản: Hạch toán theo giá mua

Phương pháp khấu hao áp dụng: phương pháp đường thẳng

Tỷ lệ khấu hao: Theo QĐ 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003

+ Giá vốn hàng bán : tính theo phương pháp thực tế đích danh

• **Chu trình luân chuyển chứng từ**



- *Kiểm tra chứng từ* : Xác minh chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.

- *Hoàn chỉnh chứng từ* : Ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như số tiền, số thực xuất....tổng hợp số liệu và lập định khoản kế toán.

- *Ghi sổ kế toán* : Tùy theo tính chất nội dung của từng loại chứng từ luân chuyển vào các bộ phận được quy định để tiến hành ghi sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết kịp thời, chính xác.

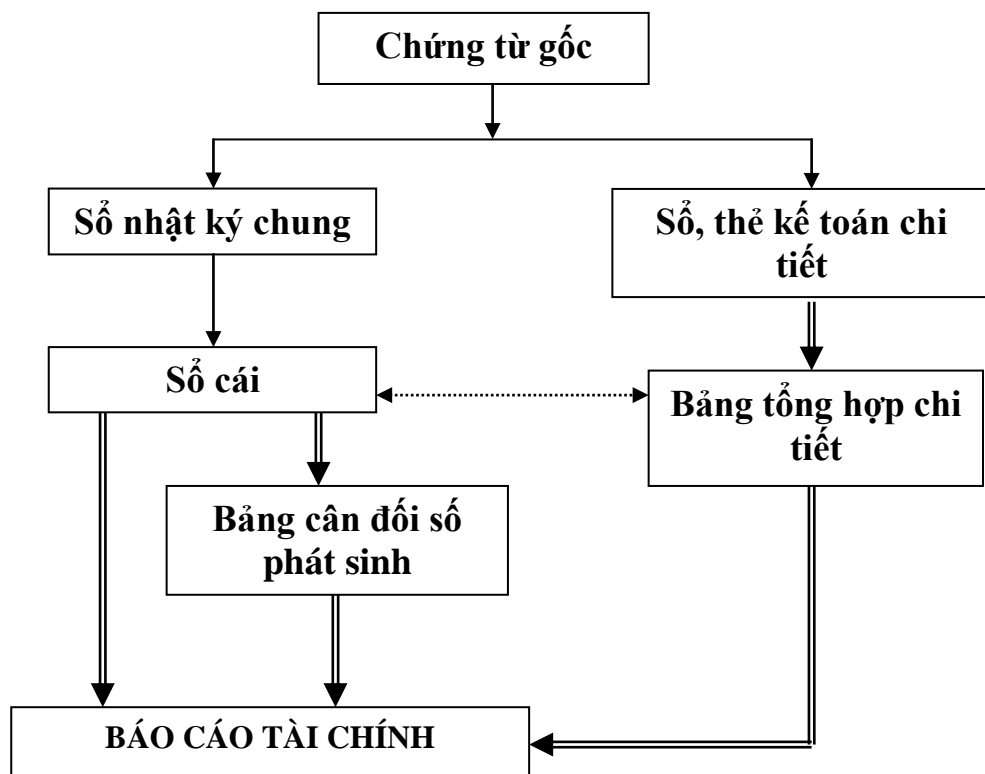
- *Lưu trữ chứng từ*: Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ có hệ thống và khoa học theo quy định.

Đặc điểm chủ yếu của hình thức Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc được ghi chép phản ánh theo trình tự thời gian

• **Trình tự ghi sổ kế toán như sau:**

1. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc ghi vào sổ nhật ký chung, sổ thẻ kế toán chi tiết.
2. Hàng ngày, từ nhật ký chung, sổ kế toán chi tiết vào sổ cái các tài khoản.
3. Tổng hợp các tài khoản chi tiết, lập bảng tổng hợp chi tiết.
4. Kiểm kê tài sản, khóa sổ kế toán, lập bảng cân đối số phát sinh.
5. Lập báo cáo kế toán:
 - Bảng cân đối kế toán(Mẫu B01-DNN)
 - Bảng báo cáo kết quả kinh doanh(Mẫu B02-DNN)
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ(Mẫu B03-DNN)
 - Thuyết minh báo cáo tài chính. (Mẫu B09-DNN)

Sơ đồ 2.3 : Sơ đồ theo hình thức nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày :
- =====> Ghi cuối tháng, định kỳ :
- ←.....→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh

2.2.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu

+ Phương thức bán hàng chủ yếu của công ty:

Bán hàng theo phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: công ty chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng kinh tế. Hàng bán chủ yếu là trả tiền sau, cũng có trường hợp là trả trước tiền hàng do vậy hầu hết các nghiệp vụ bán hàng theo hợp đồng đều hạch toán qua tài khoản 131. Khách hàng chia ra làm 2 loại khách hàng thường xuyên và khách hàng không thường xuyên. Khách hàng thường xuyên là những khách hàng có hợp đồng mua bán lớn với công ty và chủ yếu có thanh toán chậm. Doanh thu đem lại từ khách hàng chính (thường xuyên) chiếm 90%- 100%.

+ Phương thức thanh toán chủ yếu là:

- Thanh toán chậm: Phương thức này áp dụng cho khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp.
- Thanh toán qua ngân hàng: Hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người này sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng.

+ Đặc điểm doanh thu của công ty:

Doanh thu của công ty bao gồm các khoản tiền thu được từ hoạt động bán sản phẩm: đá cục, bột đá (Vjad #100, Vjad # 300, BC- 4, CS- 390, Vjad# 600, dolomite...), doanh thu dịch vụ.

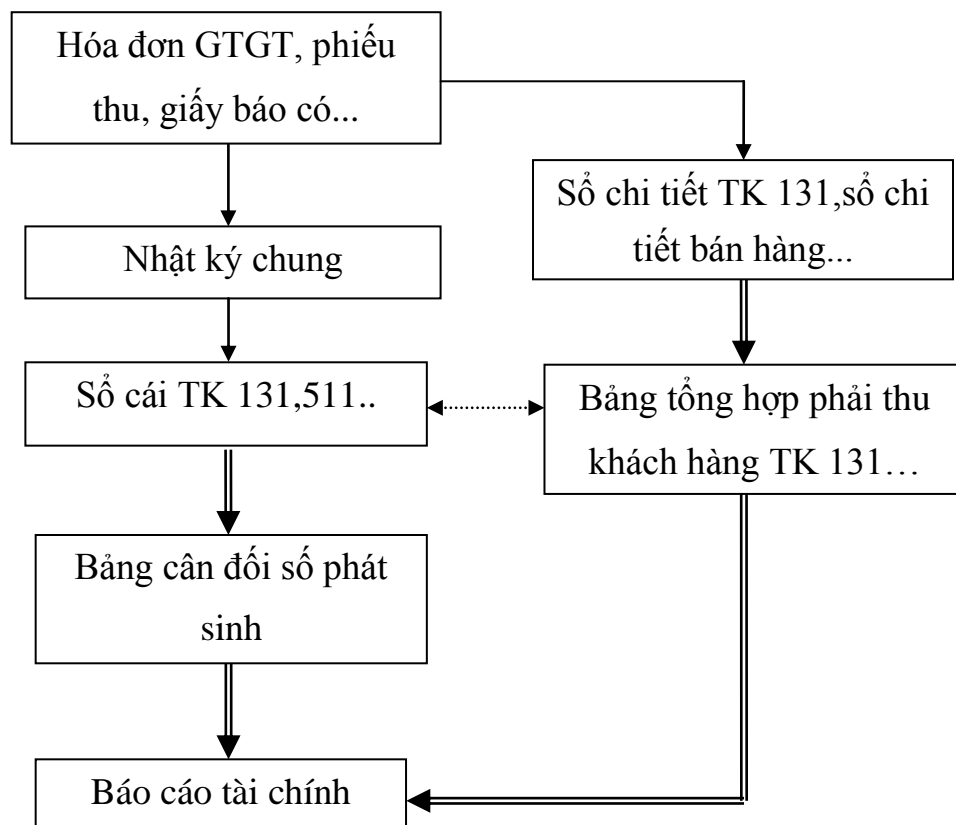
Ngoài ra công ty còn hạch toán khoản doanh thu từ tiền lãi gửi ngân hàng, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái.

+ Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước
- Tài khoản 111,112,131: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng...

- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - Hợp đồng mua bán hàng hóa
 - Hóa đơn GTGT, hóa đơn xuất khẩu
 - Các chứng từ khác có liên quan (phiếu thu, giấy báo có,...)
- ❖ Sổ sách sử dụng:
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ chi tiết thanh toán người mua (người bán), sổ chi tiết bán hàng
 - Sổ cái (TK511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ)
 - Sổ cái các TK liên quan
- ❖ Quy trình hạch toán



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối kỳ
- ←-.-> Kiểm tra đối chiếu

Ví dụ 1: Ngày 22/12/2011, Công ty xuất khẩu bán hàng bột đá CS-390 cho Inno, tổng giá thanh toán là 105.730.040 (thuế suất 0%), khách hàng chưa thanh toán.

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên, kế toán viết hóa đơn GTGT mẫu số HĐXK3/001 ký hiệu AA/11P số 0000020 (biểu số 2.1.1)

Ví dụ 2: Ngày 29/12/2011, công ty xuất hóa đơn làm dịch vụ cho công ty TNHH Đá Cẩm Thạch R.K Việt Nam, khách hàng chưa thanh toán, tổng giá thanh toán là 31.760.003 (thuế GTGT 10%). Kế toán lập hóa đơn GTGT số 0000025 (biểu số 2.1.2) gồm 03 liên: liên 01 màu tím lưu tại gốc, liên 02 màu đỏ giao cho khách hàng, liên 03 màu xanh lưu hành nội bộ để kế toán dùng làm căn cứ ghi sổ

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán ghi vào sổ kế toán định khoản:

1. Nợ TK 131: 105.730.040

Có TK 511: 105.730.040

2.Nợ TK 131 : 31.760.003

Có TK 511: 28.872.730

Có TK 331: 2.887.273

- Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ chi tiết bán hàng (biểu số 2.1.3), sổ chi tiết thanh toán người mua, người bán (biểu số 2.1.4), đồng thời ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.1.5)

- Từ sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (biểu số 2.1.6), TK 131, TK 333...

- Từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng lập BCTC.

Biểu số 2.1.1

HÓA ĐƠN XUẤT KHẨU			Mẫu số: 06HDXK3/001		
Liên 1: Luru			Ký hiệu: AA/11P		
Ngày 22 tháng 12 năm 2011			Số: 0000020		
Tên đơn vị xuất khẩu(Exporter's Name): CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI QUỐC TẾ BẢO LINH Địa chỉ(Address): Số 356 Đà Nẵng, Đoạn Xá 1, P. Đông Hải, Q. Hải An, Hải Phòng Số tài khoản(Bank Account No) : 032929292986 Ngân hàng Sacombank Điện thoại (Tel No) : 0313.825343 Mã số thuế (Tax code): 0200639844 Tên đơn vị nhập khẩu (Importer's Name): INNO CHEMICAL CO.,LTD Địa chỉ (Address) :103-1305 Hyundai apartment, 502 Daebang-Dong, Donggu, Seoul, Korea Số tài khoản(Bank Account No) :..... Điện thoại(Tel No):..... Số hợp đồng(Contract No): 01122011/BL-BC.... Ngày hợp đồng(Contract date): 13/11/2011 Hình thức thanh toán(Mathod of payment): chuyển khoản (T&T)					
Địa điểm giao hàng(Location) : Cảng Hải Phòng Địa điểm nhận hàng (Delivery location) : INCHON Số vận đơn (B/L No) : SITHPHING004787 Số container (Container No): CAXU3377289, GLDU3932555 Tên đơn vị vận chuyển: (Transporter's Name): hãng tàu SITC					
STT No	Tên hàng hóa, dịch vụ Description of goods,service	ĐVT Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit Price	Thành tiền Amount
1	2	3	4	5	6=4x5
	Bột đá Calcium carbonate CS-390 (Theo TK 364/XK/D/A01C ngày 15/12/2011) (Tỷ giá bình quân liên ngân hàng ngày 22/12/2011: 20.813 đ/ USD)	Tấn	40	127	5.080 USD
Cộng tiền bán hàng, dịch vụ (Total amount):..... 105.730.040					
Số tiền viết bằng chữ:(Toatal in words): Một trăm linh năm triệu, bảy trăm ba mươi nghìn, không trăm bốn mươi đồng.....					
Người bán hàng(Seller) (Ký, ghi rõ họ tên) (Signature& full name)			Thủ trưởng đơn vị (Manager) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) (Signature & full name, stamp)		

Biểu số 2.1.2:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số:01GTKT3/001		
Liên 1: Lưu			Ký hiệu:AA/11P		
Ngày 29 tháng 12 năm 2011			Số: 0000025		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI QUỐC TẾ BẢO LINH					
Mã số thuế: 0200639844					
Địa chỉ: Số 356 Đà Nẵng, Đoàn Xá 1, P. Đông Hải1, Q.Hải An, Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3825343					
Số tài khoản: 032929292986 Ngân hàng Sacombank					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Đá Cẩm Thạch R.K Việt Nam					
Mã số thuế :					
Địa chỉ: thị trấn Yên Thế - Lục Yên – Yên Bái					
Hình thức thanh toán : CK Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Phí dịch vụ đóng hàng và thông	cont	10	2.887.273	28.872.730
	quan 10 cont đá vôi trắng dạng cục				
	Tờ khai 383 ngày 01/12/2011				
				Cộng tiền hàng	28.872.730
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT	2.887.273
				Tổng cộng tiền thanh toán	31.760.003
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn, không trăm linh ba đồng.....					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.1.3

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh
356 Đà Nẵng- Hải An – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

TK: 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tên sản phẩm: Dịch vụ

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
10/10	HĐGTGT 0000021	10/10	Doanh thu cước biển HP-Nagoya	131	20		9.466.200	
.....	
29/12	HĐGTGT 0000025	29/12	Doanh thu phí dịch vụ đóng hàng và thông quan 10 conts đá vôi trắng dạng cục	131	10	2.887.273	28.872.730	
30/12	PKT 250	30/12	Kết chuyển doanh thu quý 4	911		44.754.910		
			Cộng phát sinh			44.754.910	44.754.910	

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Kế toán trưởng
(ký , họ tên)

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh
356 Đà Nẵng- Hải An – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

TK: 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tên sản phẩm: CS-390 Đơn vị tính: tấn

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
13/10	HĐXK 0000016	13/10	Doanh thu bán hàng cho Inno	131	40	2.626.106	105.044.240	
22/12	HĐXK 0000020	22/12	Doanh thu bán hàng cho Inno	131	40	2.643.251	105.730.040	
31/12	PKT 250	31/12	Kết chuyển doanh thu quý 4	911		210.774.280		
			Cộng phát sinh			210.774.280	210.774.280	

Người ghi sổ
(Ký họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Kế toán trưởng
(ký , họ tên)

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh
356 Đà Nẵng – Hải An – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA(NGƯỜI BÁN)

TK 131 – Phải thu khách hàng

Đối tượng: Công ty TNHH Đá Cẩm Thạch R.K Việt Nam

Loại tiền: VNĐ

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				-	
			Số phát sinh trong kỳ					
29/12	HĐGTGT 0000025	29/12	Phải thu tiền hàng của Công ty Đá Cẩm Thạch R.K Việt Nam	511 3331	28.872.730 2.887.273		28.872.730 31.760.003	
			Cộng phát sinh trong kỳ		31.760.003	-		
			Số dư cuối kỳ				31.760.003	

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh

356 Đà Nẵng – Hải An – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA(NGƯỜI BÁN) BẰNG NGOẠI TỆ

TK 131 – Phải thu khách hàng

Đối tượng: Inno

Loại ngoại tệ: USD

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh				Số dư			
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ		Có		Nợ		Có	
					Ngoại tệ	Quy ra VNĐ	Ngoại tệ	Quy ra VNĐ	Ngoại tệ	Quy ra VNĐ	Ngoại tệ	Quy ra VNĐ
			Số dư đầu kỳ						-			
			Số phát sinh trong kỳ									
13/10	HĐXK 0000016	13/10	Phải thu tiền hàng của Inno	511	5.080	105.044.240			5.080	105.044.240		
04/11	BC 141	04/11	Inno trả tiền hàng	1122			5.080	105.044.240	-	-		
22/12	HĐXK 0000020	22/12	Phải thu tiền hàng của Inno	511	5080	105.730.040			5.080	105.730.040		
			Cộng phát sinh trong kỳ		10.160	210.774.280	5.080	105.044.240				
			Số dư cuối kỳ						5.080	105.730.040		

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh
356 Đà Nẵng – Hải An- Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
10/10	HĐGTGT 0000021	10/10	Doanh thu cước biển HP- Nagoya	131 511	9.466.200	9.466.200
10/10	HĐGTGT 0000022	10/10	Doanh thu phí THC, phí chì, phí chứng từ, phí bill	131 511 3331	3.123.846	2.839.860 283.986
....
22/12	HĐXK 0000020	22/12	Doanh thu bán hàng cho Inno	131 511	105.730.040	105.730.040
.....
29/12	HĐXK 0000021	29/12	Doanh thu bán hàng cho Nesess	131 511	108.305.600	108.305.600
29/12	HĐGTGT 0000025	29/12	Doanh thu phí dịch vụ đóng hàng và thông quan 10 cont đá vôi trắng dạng cục	131 511 3331	31.760.003	28.872.730 2.887.273
.....
30/12	HĐXK 0000022	30/12	Doanh thu bán hàng cho Concord	131 511	107.055.920	107.055.920
.....
			Cộng số phát sinh		42.450.213.002	42.450.213.002

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh
356 Đà Nẵng- Hải An- Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu tài khoản: 511

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
.....
13/10	HĐXK 0000016	13/10	Doanh thu bán hàng bột đá CS-390 cho Inno	131		105.044.240
.....
22/12	HĐXK 0000020	22/12	Doanh thu bán hàng bột đá CS-390 cho Inno	131		105.730.040
29/12	HĐXK 0000021	29/12	Doanh thu bán hàng bột đá Vjad 100 cho Nesess	131		108.305.600
29/12	HĐGTGT 0000025	29/12	Doanh thu phí dịch vụ đóng hàng và thông quan 10 cont đá vôi trắng dạng cục	131		28.872.730
.....
31/12	PKT 250	31/12	Kết chuyển doanh thu quý 4	911	1.071.575.310	
			Cộng phát sinh trong kỳ		4.845.282.886	4.845.282.886
			Số dư cuối kỳ		-	-

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán

+ **Phương pháp tính giá vốn** : công ty sử dụng phương pháp thực tế đích danh. Do doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng có giá trị cao, áp dụng phương pháp này giúp kế toán có thể theo dõi phản ánh kịp thời, chính xác trị giá hàng xuất bán và hàng tồn kho trong doanh nghiệp.

+ **Đặc điểm giá vốn hàng bán tại Công ty**: Giá vốn hàng bán bao gồm giá mua vào của hàng xuất bán, bên cạnh đó công ty còn hạch toán khoản chi nộp thuế xuất khẩu vào tài khoản giá vốn hàng bán. Đây là một trong những mặt hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán của doanh nghiệp, và sẽ được trình bày trong phần kiến nghị chương 3.

+ **Kế toán giá vốn hàng bán**:

❖ Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 632- giá vốn hàng bán
- Tài khoản 156- Hàng hóa

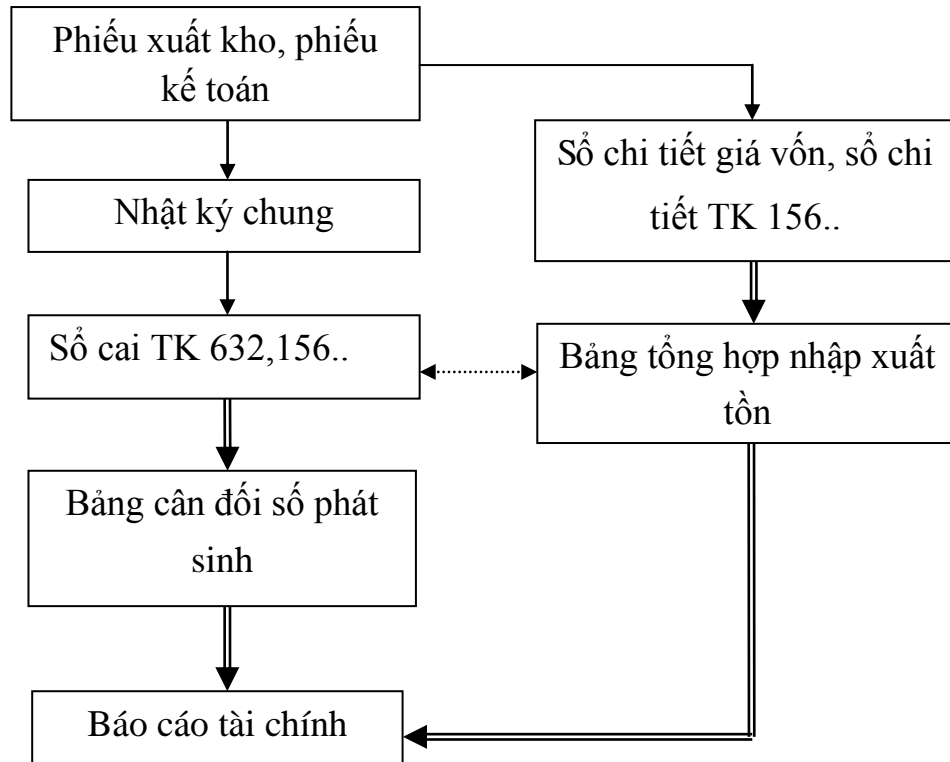
❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Phiếu kế toán

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết giá vốn hàng bán
- Sổ chi tiết vật liệu , dụng cụ (sản phẩm hàng hóa)
- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa
- Sổ cái các tài khoản liên quan: 632, 156...

❖ Quy trình hạch toán



Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối kỳ
- ↔ Kiểm tra đối chiếu

Ví dụ : Ngày 22/12/2011, Công ty xuất bán 40 tấn bột đá CS-390 cho Inno, chưa thanh toán, tổng giá thanh toán là 105.730.040 (thuế suất 0%), giá vốn hàng bán 1.615.000đ/tấn

- Căn cứ vào phiếu xuất kho số 36 (biểu số 2.2.1) , kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 632: 64.600.000

Có TK 156:64.600.000

- Từ bút toán trên ghi vào sổ chi tiết TK 632 (biểu số 2.2.2), đồng thời ghi sổ nhật ký chung (biểu số 2.2.3)

- Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 632 (biểu số 2.2.4), TK 156

- Từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng lập BCTC.

Biểu số 2.2.1

Đơn vị: Công ty CP TM và VT quốc tế Bảo Linh
Địa chỉ: 356 Đà Nẵng- Hải An- Hải Phòng

Mẫu số 02-VT
QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 22 tháng 12 năm 2011

Số : 34
Nợ: TK 632
Có: TK 156

Họ tên người nhận hàng: Trần Sơn Tùng

Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng hóa

Xuất tại kho(ngăn lô): Hàng hóa Đại điểm: 356 Đà Nẵng

Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bột đá calcium carbonate	CS-390	Tấn		40	1.615.000	64.600.000
	Cộng:						64.600.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Sáu mươi tư triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn

Chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 22 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Người nhận hàng

(ký, họ tên)

Thủ kho

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh
356 Đà Nẵng – Hải An – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tài khoản : 632

Tên sản phẩm: Bột nặng CS-390

Đơn vị: tấn

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Giá vốn hàng bán			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
13/10	PX 28	13/10	Giá vốn hàng xuất bán cho Inno	156	40	1.615.000	64.600.000	
22/12	PX 34	22/12	Giá vốn hàng xuất bán cho Inno	156	40	1.615.000	64.600.000	
31/12	PKT 251	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4	911				129.200.000
			Cộng phát sinh				129.200.000	129.200.000

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh
356 Đà Nẵng – Hải An- Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
13/10	PX28	13/10	Xuất kho CS- 390 bán cho Inno	632 156	64.600.000	64.600.000
.....
15/10	PX29	15/10	Xuất kho Vjad#100 bán cho Nesess	632 156	65.200.000	65.200.000
....
22/12	PX34	22/12	Xuất kho CS-390 bán cho Inno	632 156	64.600.000	64.600.000
.....
29/12	PX35	29/12	Xuất kho Vjad # 100 bán cho Nesess	632 156	65.200.000	65.200.000
30/12	PX36	30/12	Xuất kho bột đá Dolomite bán cho Concord	632 156	27.500.000	27.500.000
.....
			Cộng số phát sinh		42.450.213.002	42.450.213.002

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.4

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh

356 Đà Nẵng- Hải An- Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu tài khoản: 632

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
.....
13/10	PX28	13/10	Giá vốn hàng bột đá CS-390 xuất bán cho Inno	156	64.600.000	
15/10	PX29	15/10	Giá vốn hàng bột đáVjad 100 xuất bán cho Nesess	156	65.200.000	
.....
22/12	PX34	22/12	Giá vốn hàng bột đá CS-390 xuất bán cho Inno	156	64.600.000	
.....
29/12	PX 35	29/12	Giá vốn hàng bột đá Vjad 100 xuất bán cho Nesess	331	65.200.000	
30/12	PX 36	30/12	Giá vốn hàng bột đá Dolomite bán cho Concord	156	27.500.000	
31/12	PKT 251	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4	911		759.936.194
			Cộng phát sinh		3.242.425.530	3.242.425.530
			Số dư cuối kỳ		-	-

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Thực trạng công tác kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Đặc điểm chi phí bán hàng tại Công ty.

Chi phí bán hàng tại Công ty bao gồm các loại chi phí liên quan đến bán hàng hóa và quá trình cung cấp dịch vụ như : chi phí cước biển, phí chứng từ, phí chì, phí xếp dỡ, phí THC...

Đặc điểm chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty bao gồm : chi phí nhân viên quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định, thuế môn bài, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, giấy bán nợ, phiếu kê toán, hóa đơn GTGT
- Bảng tổng hợp trích khấu hao tài sản cố định, bảng tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương

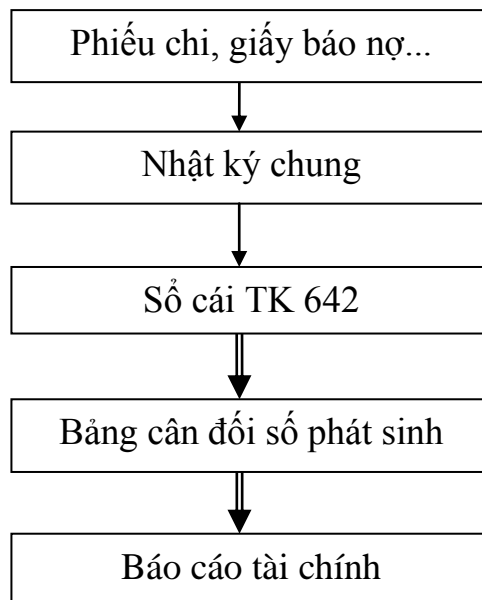
Tài khoản sử dụng:

TK 642: chi phí quản lý kinh doanh gồm 02 tài khoản cấp 2:

- TK 6421: Chi phí bán hàng
- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642

❖ Quy trình hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ

Ví dụ :1.Ngày 30/10/2011, Công ty nhận được hóa đơn GTGT số 0030474 của Công ty TNHH SITC Việt Nam liên quan đến việc bán hàng, tổng số tiền thanh toán là 5.004.976 đồng, công ty chưa thanh toán số tiền trên.

2. Ngày 31/12/2011, Công ty trích khấu hao tài sản cố định quý 4. Tổng số tiền trích khấu hao là: 10.926.789 đồng

3. Ngày 31/12/2011, công ty trả lương cho công nhân viên, tổng số tiền lương phải trả là: 29.515.700 đồng

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT của SITC (biểu số 2.3.1), bảng tổng hợp trích khấu hao tài sản cố định quý 4 (biểu số 2.3.2), bảng tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương tháng 9 (biểu số 2.3.3) và các chứng từ khác có liên quan như phiếu kế toán (biểu số 2.3.4), phiếu chi (biểu số 2.3.5) kế toán ghi vào sổ kế toán định khoản sau:

1.Nợ TK 6421: 4.754.727

Nợ TK 133 : 250.249

Có TK 331: 5.004.976

2. Nợ TK 6422: 10.926.789

Có TK 214: 10.926.789

3. Nợ TK 6422: 30.560.000

Có TK 334: 30.560.000

Nợ TK 6422 : 2.645.560

Nợ TK 334 : 1.044.300

Có TK 338: 3.689.860

- Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung(biểu số 2.3.6)

- Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 642(biểu số 2.3.7)

- Cuối kỳ , từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ sử dụng lập BCTC.

**CÔNG TY TNHH SITC VIỆT NAM
SITC Vietnam Co., Ltd**

Địa chỉ (Address): Phòng 419 + 420 + 421, TD – Business Center,
Lô 20A, Đường Lê Hồng Phong, TP.Hải Phòng, Việt Nam

Tel: 84-3757800

Fax:84-31-3757805/6

Website: www.sitc.com

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG – THU PHÍ

(VAT INVOICE)

Mã số thuế (Tax code): 0200919545

Liên 2: Giao cho người mua

Mẫu số : 01GTKT3/001

Số tài khoản (Acc No) :0201340012

(Copy 2: Customer)

Ký hiệu(Series): AA/11P

Tại (Banker): Ngân hàng Citibank, CN Hà Nội

Số(No) : 0030474

Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company): **CÔNG TY CPTM VÀ VT QUỐC TẾ BẢO LINH**

Địa chỉ(Address) : **356 ĐÀ NẴNG, HẢI AN, HẢI PHÒNG**

Mã số thuế(Tax code) : 0200639844

Số chuyến/ Tên tàu : **ASIAN ZEPHYR/1107N**

Hình thức thanh toán(Method of payment): **TM/CK**

(Vovage/ Vessel)

Vận đơn số : **SITHPHING004787**

(Bill of lading)

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Loại tiền (Currency)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)	
1	2	3	4		5	6=4x5	
1	Phí xếp dỡ tại cảng(Phí THC) (thu hộ hãng tàu)	20'	3	USD	75,00	4.637.250	
2	Thu phí seal (thu hộ hãng tàu)		3	USD	1,90	117.477	
(Tổng trị giá thanh toán bằng đôla Mỹ: 242,84 USD)							
Tỷ giá : 20.610 Đ/ USD					Cộng tiền hàng (Sub total);		4.754.727
Thuế suất GTGT(VAT rate): xxx%					Tiền thuế GTGT(VAT Amount):		250.249
Tổng cộng tiền thanh toán(Total Amount):						5.004.976	

Số tiền viết bằng chữ:(In words): *Năm triệu không trăm linh bốn nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng...*

Ngày 30 tháng 10 năm 2011

Người mua hàng(Customer)
Ký, ghi rõ họ tên (Sign, full name)

Người bán hàng (Invoice writer)
Ký, ghi rõ họ tên(Sign, full name)

Thủ trưởng đơn vị (G. Director of SITC)
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên
(Sign, stamp & full name)

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh

356 Đà Nẵng - Hải An - Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP TRÍCH KHẤU HAO TSCĐ

Quý 4 năm 2011

Stt	Tên tài sản	Bộ phận sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Thời gian đưa vào sử dụng	Nguyên giá	GTHM lũy kế đầu năm	Thời gian khấu hao (Tháng)	Mức khấu hao tháng	Mức khấu hao quý	Hao mòn lũy kế cuối kỳ	Giá trị còn lại cuối kỳ
1	Máy photocopy	QLDN		1	T01/2006	10.118.182	8.431.818	72	140.530,3	421.590,9	10.118.182	-
2	Máy tính sách tay	QLDN		1	T01/2006	15.874.762	13.228.968	72	220.482,8	661.448,4	15.874.762	-
3	Xe ô tô Inova	QLDN		1	T08/2010	315.000.000	16.406.250	96	3.281.250	9.843.750	55.781.250	259.218.750
	Cộng					340.992.944	39.150.075		3.642.263	10.926.789	81.774.194	259.218.750

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập

(Ký, họ tên)

BẢNG TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

Tháng 12 năm 2011

STT	Họ và tên	Ngày công	Chức vụ	Lương thời gian	Phụ cấp	Tổng thu nhập	Lương hưởng BHXH	Các khoản trích vào chi phí			Khoản khấu trừ vào lương			Thực lĩnh
								BHXH (16%)	BHYT (3%)	Cộng	BHXH (6%)	BHYT (1,5%)	Cộng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8*16%	10= 8*3%	11= 9+10	12=8*6%	13=8*1,5%	14=12+13	15=7-14
1	Đặng Quang Phi	26	GD	4.000.000	520.000	4.520.000	4.000.000	640.000	120.000	760.000	240.000	60.000	300.000	4.220.000
2	Nhâm Thị Lương	26	PGD	3.700.000	520.000	4.220.000	2.500.000	400.000	75.000	475.000	150.000	37.500	187.500	4.032.500
3	Vũ Mạnh Dũng	26	NV	3.700.000	520.000	4.220.000	2.500.000	400.000	75.000	475.000	150.000	37.500	187.500	4.032.500
4	Bùi Lệ Quyên	26	T. quỹ	3.500.000	520.000	4.020.000	1.500.000	240.000	45.000	285.000	90.000	22.500	112.500	3.907.500
5	Lê Minh Tú	26	KT	2.500.000	520.000	3.020.000								3.020.000
6	Nguyễn Thế Hùng	26	NV	3.000.000	520.000	3.520.000	1.284.000	205.440	38.520	243.960	77.040	19.260	96.300	3.423.700
7	Nguyễn Văn Hà	26	NV	3.500.000	520.000	4.020.000	2.140.000	342.400	64.200	406.600	128.400	32.100	160.500	3.859.500
8	Phạm Thị Hoa	26	KT	2.500.000	520.000	3.020.000								3.020.000
	Tổng cộng			26.400.000	4.160.000	30.560.000	13.924.000	2.227.840	417.720	2.645.560	835.440	208.860	1.044.300	29.515.700

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Biểu số 2.3.4

Công ty CP TM và vận tải quốc tế Bảo Linh 356 Đà Nẵng- Hải An – Hải Phòng <p style="text-align: center;">PHIẾU KẾ TOÁN</p> Ngày 30 tháng 10 năm 2011 Số: 230				
<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>TK Nợ</i>	<i>TK Có</i>	<i>Số tiền</i>
	Phải trả chi phí làm hàng cho công ty TNHH SITC Việt Nam theo hóa đơn số 0030474.	6421 133	331 331	4.754.727 250.249
	Cộng			5.004.976
Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, họ tên)</i>		Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>		Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>

Công ty CP TM và vận tải quốc tế Bảo Linh 356 Đà Nẵng- Hải An – Hải Phòng <p style="text-align: center;">PHIẾU KẾ TOÁN</p> Ngày 31 tháng 12 năm 2011 Số: 249				
<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>TK Nợ</i>	<i>TK Có</i>	<i>Số tiền</i>
1	Tiền lương phải trả cho công nhân viên	6422	334	30.560.000
2	BHXH khấu trừ từ lương tháng 12	334	3383	835.440
3	BHYT khấu trừ từ lương tháng 12	334	3384	208.860
4	Trích BHXH, BHYT vào chi phí	6422	338	2.645.560
	Cộng			34.249.860
Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, họ tên)</i>		Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>		Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>

Đơn vị : **CTY CP TM & VT QT BẢO LINH**

ĐC: 356 Đà Nẵng- Hải An – Hải Phòng

Mẫu số 02- TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ –BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : 364

Nợ: 334: 29.515.700

Có: 111: 29.515.700

Người nhận tiền : Nguyễn Văn Hà

Địa chỉ : Phòng kinh doanh

Về khoản : Thanh toán tiền lương tháng 12 cho công nhân viên

Số tiền thanh toán: 29.515.700 đ (viết bằng chữ) : Hai mươi chín triệu năm trăm mười
lăm nghìn bảy trăm đồng

Kèm theo : 01 Chứng từ kế toán: Bảng TH tiền lương và các khoản trích theo lương

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	tiền (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi chín triệu năm trăm mười lăm nghìn bảy
trăm đồng

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh
356 Đà Nẵng – Hải An- Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
30/10	PKT 230	30/10	Chi phí xếp dỡ tại cảng, phí seal	6421 133 331	4.754.727 250.249	5.004.976
.....
31/12	BTHT KH- Q4	31/12	Trích khấu hao tài sản cố định quý 4	6422 214	10.926.789	10.926.789
31/12	PKT 249	31/12	Tiền lương phải trả cho công nhân viên	6422 334	30.560.000	30.560.000
31/12	PKT 249	31/12	BHXH, BHYT khấu trừ vào lương tháng 12	334 3383 3384	1.044.300	835.440 208.860
31/12	PKT 249	31/12	Trích BHXH, BHYT vào chi phí tháng 12	6422 338	2.645.560	2.645.560
31/12	PC 364	31/12	Trả tiền lương cho công nhân viên	334 111	29.515.700	29.515.700
.....
			Cộng số phát sinh		42.450.213.002	42.450.213.002

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh
356 Đà Nẵng- Hải An- Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu tài khoản: 642

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
.....
30/10	PKT 230	30/10	Phí xếp dỡ tại cảng, phí seal	331	4.754.727	
.....
31/12	BTHT KH – Q4	31/12	Trích khấu hao tài sản cố định quý 4	214	10.926.789	
31/12	PKT 249	31/12	Tiền lương phải trả cho công nhân viên tháng 12	334	30.560.000	
31/12	PKT 249	31/12	Trích BHXH, BHYT vào chi phí tháng 12	338	2.645.560	
31/12	PKT 251	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh quý 4	911		236.830.770
			Cộng phát sinh		1.389.799.075	1.389.799.075
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Thực trạng công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty

Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty gồm:

- Tiền lãi : lãi tiền gửi ngân hàng
- Lãi tỷ giá hối đoái.

Đặc điểm chi phí tài chính tại Công ty gồm:

- Trả lãi vay ngân hàng
- Lỗ tỷ giá hối đoái

Chứng từ sử dụng:

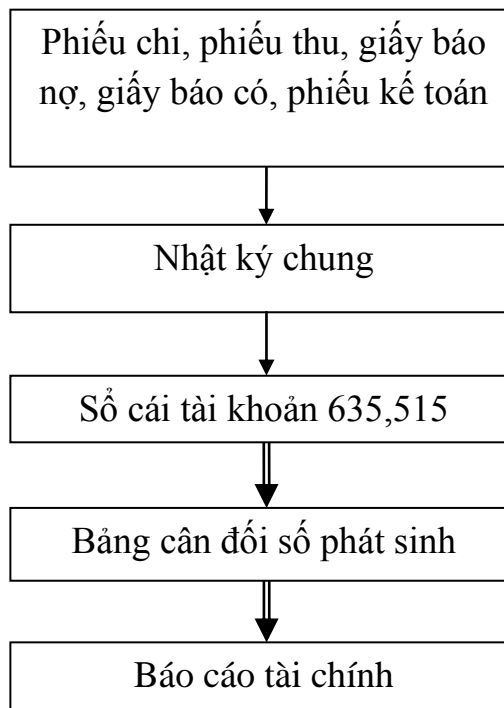
- Giấy báo nợ, giấy báo có, sổ phụ ngân hàng
- Phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng:

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635: Chi phí tài chính

Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 635, 515

Quy trình hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ

Ví dụ: 1. Ngày 31/12, công ty nhận giấy báo có của ngân hàng sacombank, lãi nhập vốn.

- Căn cứ vào giấy báo có (biểu số 2.4.1) kê toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 112: 10.882

Có TK 515: 10.882

2. Ngày 26/12, công ty trả lãi vay của ngân hàng ACB, số tiền 13.002.371 đồng.

- Căn cứ vào giấy báo nợ (biểu số 2.4.2) kê toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 635: 13.002.371

Có TK 112: 13.002.371

- Từ các bút toán trên kê toán ghi vào sổ Nhật ký chung(biểu số 2.4.3). Từ nhật ký chung, kê toán ghi vào sổ cái TK 515(biểu số 2.4.4); sổ cái TK635(biểu số 2.4.5).

- Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ sử dụng lập BCTC

Biểu số 2.4.1

Sacombank

GIẤY BÁO CÓ

Sacombank Online Banking

NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

Ngày 31/12/2011

Số chứng từ: 032929292986 - 20111231

Tài khoản ghi có:

Người hưởng: CÔNG TY CP TM & VT QUỐC TẾ BẢO LINH

Địa chỉ : SỐ 356 ĐÀ NẴNG, NGÔ QUYỀN

Số tài khoản: 032929292986

Tại: PGD LẠC VIÊN- CNHP

Số tiền: VNĐ 10.882

Mười nghìn tám trăm tám mươi hai đồng VNĐ

Nội dung: LÃI NHẬP VỐN

GIAO DỊCH VIÊN

LIÊN I

PHÒNG NGHIỆP VỤ

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK**

GIẤY BẢO NỢ
Ngày 26/12/2011

Mã GDV: MYBTHSHP
Mã KH: 27758
Số GD: 50

Kính gửi: **CÔNG TY CP TM VÀ VẬN TẢI QUỐC TẾ BẢO LINH**

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách với nội dung sau

Số tài khoản ghi NỢ 13686299

Số tiền bằng số: **13.022.371 đ**

Số tiền bằng chữ: MƯỜI BA TRIỆU KHÔNG TRĂM HAI MƯƠI HAI NGHÌN
BA TRĂM BẢY MƯƠI MỘT ĐỒNG

Nội dung: # THU LÃI VAY NGÂN HÀNG #

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu số 2.4.3

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh

356 Đà Nẵng – Hải An- Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
25/11	PKT 235	25/11	Chênh lệch tỷ giá bán ngoại tệ	1121 515	217.601	217.601
25/11	BN45/ACB	25/11	Trả lãi vay ngân hàng ACB	635 111	13.146.371	13.146.371
....
26/12	BN50/ACB	26/12	Trả lãi vay ngân hàng ACB	635 1121	13.022.371	13.022.371
.....
31/12	BC87/SCB	31/12	Lãi nhập vốn(VNĐ)	1121 515	10.882	10.882
31/12	BC88/SCB	31/12	Lãi nhập vốn(USD)	1122 515	7.426	7.426
31/12	PKT 250	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4	515 911	16.603.395	16.603.395
31/12	PKT 251	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính quý 4	911 635	52.960.049	52.960.049
.....
			Cộng số phát sinh		42.450.213.002	42.450.213.002

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4.4

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh
356 Đà Nẵng- Hải An- Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu tài khoản: 515

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
.....
25/11	PKT 235	25/11	Chênh lệch tỷ giá bán ngoại tệ	1121		217.601
.....
05/12	PKT238	05/12	Chênh lệch tỷ giá bán ngoại tệ	1121		457.199
12/12	PKT240	12/12	Chênh lệch tỷ giá bán ngoại tệ	1121		1.109.771
.....
31/12	BC87/SCB	31/12	Lãi nhập vốn(VNĐ)- Sacombank	1121		10.882
31/12	BC88/SCB	31/12	Lãi nhập vốn(USD)- Sacombank	1121		7.426
31/12	PKT 250	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4	911	16.603.395	
			Cộng phát sinh		135.843.039	135.843.039
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4.5

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh
356 Đà Nẵng- Hải An- Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí tài chính
Số hiệu tài khoản: 635
Năm 2011

Đơn vị tính đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
01/10			Số dư đầu kỳ		-	-
.....
07/11	PKT 231	07/11	Đánh giá chênh lệch tỷ giá công nợ của Inno	131	187.320	
25/11	BN45/ACB	25/11	Trả lãi vay ngân hàng ACB	1121	13.146.371	
.....
26/12	BN50//ACB	26/12	Trả lãi vay ngân hàng ACB	1121	13.022.371	
....
31/12	PKT 251	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính quý 4	911		52.960.049
			Cộng phát sinh		270.501.808	270.501.808
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Thực trạng công tác kế toán thu nhập khác, chi phí khác

Đặc điểm thu nhập khác : Thu nhập khác tại Công ty thường chỉ là khoản thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định.

Đặc điểm chi phí khác : gồm tiền phạt do vi phạm hợp đồng, tiền nộp phạt thuế, chi phí thanh lý TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ.

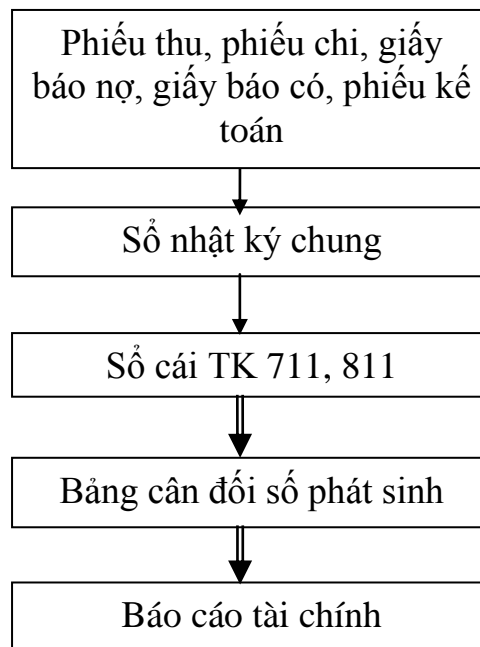
Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có,
- Phiếu kế toán, biên bản thanh lý tài sản cố định

Tài khoản sử dụng:

- TK 711 - Thu nhập khác
- TK 811- Chi phí khác

Quy trình hạch toán thu nhập khác , chi phí khác



- Ghi chú: ————→ Ghi hàng ngày
 ==> Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc : phiếu thu, phiếu chi.. kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 711, 811. Từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh. Cuối mỗi quý kế toán thực hiện bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ và lập báo cáo tài chính.

Trong năm 2011, tại công ty không phát sinh khoản chi phí khác và thu nhập khác

2.2.6. Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty
Đặc điểm kế toán kết quả kinh doanh của Công ty.

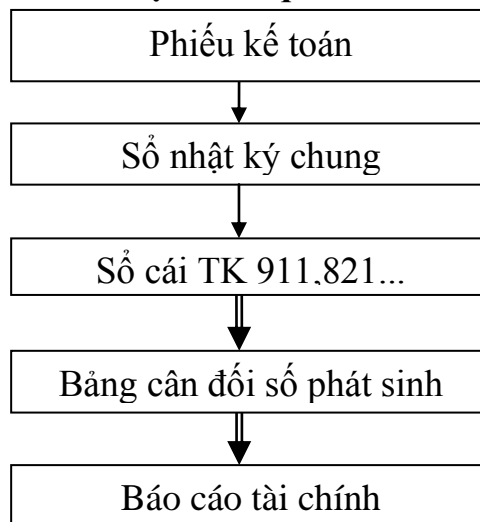
Tại Công ty, việc xác định kết quả kinh doanh thực hiện từng quý. Cuối mỗi quý kế toán thực hiện bút toán kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng:

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối.
- Các tài khoản liên quan khác: 632,511,642...

Quy trình hạch toán để xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi định kỳ

Hạch toán xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả kinh doanh cũng là cơ sở để doanh nghiệp tự đánh giá khả năng sản xuất kinh doanh, từ đó có những phân tích đúng đắn, hợp lý cho quá trình kinh doanh của mình. Hạch toán kết quả kinh doanh của Công ty dựa trên việc hạch toán các TK 511, 515, 632, 635, 641, 642. Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK911, xác định số chênh lệch “Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí” kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty như sau:

- Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí > 0

=> Doanh nghiệp có lãi, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Có của TK 421 sau khi đã trừ đi thuế TNDN

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận trước thuế TNDN} &= \text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí} \\ \text{Thuế TNDN} &= \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế TNDN}}{\text{TNDN}} \times \text{Thuế suất thuế TNDN} \end{aligned}$$

Thuế suất thuế TNDN: 25%

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = \text{Lợi nhuận trước thuế} - \text{Thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

- Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí = 0

=> Doanh nghiệp hòa vốn.

- Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí < 0

=> Doanh nghiệp bị lỗ, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Nợ của TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

Trình tự hạch toán

Cuối quý, năm kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính toán số thuế TNDN phải nộp. Kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung và các sổ cái các tài khoản có liên quan.

Ví dụ: Cuối tháng 12/2011, Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh thực hiện bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh quý 4.

Tập hợp số liệu từ sổ sách, kế toán viết phiếu kế toán ghi có TK 911(biểu số 2.6.1) và phiếu kế toán ghi nợ TK 911(biểu số 2.6.2)

Kế toán định khoản

1. Nợ TK 511 :	1.071.575.310
Nợ TK 515:	16.603.395
Có TK 911:	1.088.178.705
2. Nợ TK 911:	1.049.727.013
Có TK 632 :	759.936.194
Có TK 635 :	52.960.049
Có TK 642 :	236.830.770

9 tháng đầu năm 2011, kế toán đã tạm tính chi phí thuế thu nhập là : 12.000.000 đ

Ghi:	Nợ TK 821 :	12.000.000
	Có TK 3334:	12.000.000

Ngày 31/12, công ty xác định lợi nhuận trước thuế TNDN cả năm 2011:

$$= 4.981.125.925 - 4.902.726.473 = 78.399.452 \text{ đ}$$

Theo nghị quyết số 08/2011/QH13 của quốc hội về giảm 30% thuế TNDN cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ. Công ty xác định chi phí thuế TNDN cả năm phải nộp là:

$$= 78.399.452 \times 25\% \times 70\% = 13.719.904 \text{ đ}$$

Thuế TNDN còn phải nộp của Công ty vào cuối kỳ là :

$$= 13.719.904 - 12.000.000 = 1.719.904 \text{ đ}$$

Lợi nhuận sau thuế TNDN

$$= 78.399.452 - 13.719.904 = 64.679.548$$

Kế toán định khoản :

Nợ TK 821:	1.719.904
Có TK 3334:	1.719.904
Nợ TK 911:	13.719.904
Có TK 821:	13.719.904
Nợ TK 921:	64.679.548
Có TK 421:	64.679.548

- Từ các bút toán trên, kế toán lập phiếu kế toán. Căn cứ vào phiếu kế toán, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung(biểu số 2.6.3). Từ sổ nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 911 (biểu số 2.6.4), TK 821 (biểu số 2.6.5), TK 333, TK 421 (biểu số 2.6.6)...
- Cuối kỳ từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng lập BCTC (biểu số 2.6.7)

Biểu số 2.6.1

Công ty CP TM và vận tải quốc tế Bảo Linh 356 Đà Nẵng- Hải An – Hải Phòng <p style="text-align: center;">PHIẾU KẾ TOÁN</p> Ngày 31 tháng 12 năm 2011 Số: 250				
<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>TK Nợ</i>	<i>TK Có</i>	<i>Số tiền</i>
1.	K/c doanh thu bán hàng quý 4	511	911	1.071.575.310
2.	K/c doanh thu hoạt động tài chính quý 4	515	911	16.603.395
	Cộng			1.088.178.705
Thủ trưởng đơn vị		Kế toán trưởng		Người lập phiếu
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu số 2.6.2

Công ty CP TM và vận tải quốc tế Bảo Linh 356 Đà Nẵng- Hải An – Hải Phòng				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 12 năm 2011				Số: 251
<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>TK Nợ</i>	<i>TK Có</i>	<i>Số tiền</i>
1.	K/c giá vốn hàng bán quý 4	911	632	759.936.194
2.	K/c chi phí quản lý kinh doanh quý 4	911	642	236.830.770
3	K/c chi phí tài chính quý 4	911	635	52.960.049
	Cộng			1.049.727.013
Thủ trưởng đơn vị		Kế toán trưởng		Người lập phiếu
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>

Công ty CP TM và vận tải quốc tế Bảo Linh 356 Đà Nẵng- Hải An – Hải Phòng				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 12 năm 2011				Số: 252
<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>TK Nợ</i>	<i>TK Có</i>	<i>Số tiền</i>
1	Chi phí thuế TNDN còn phải nộp	821	334	1.719.904
2	K/c chi phí thuế TNDN năm 2011	911	821	13.719.904
3	K/c lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2011	911	421	64.679.548
	Cộng			80.119.356
Thủ trưởng đơn vị		Kế toán trưởng		Người lập phiếu
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu số 2.6.3

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh

356 Đà Nẵng – Hải An- Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
31/12	PKT 250	31/12	K/c doanh thu bán hàng quý 4	511 911	1.071.575.310	1.071.575.310
31/12	PKT 250	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính quý 4	515 911	16.603.395	16.603.395
31/12	PKT 251	31/12	K/c giá vốn hàng bán quý 4	911 632	759.936.194	759.936.194
31/12	PKT 251	31/12	K/c chi phí quản lý kinh doanh quý 4	911 642	236.830.770	236.830.770
31/12	PKT 251	31/12	K/c chi phí tài chính quý 4	911 635	52.960.049	52.960.049
31/12	PKT 252	31/12	Chi phí thuế TNDN còn phải nộp	821 3334	1.719.904	1.719.904
31/12	PKT 252	31/12	K/c chi phí thuế TNDN năm 2011	911 821	13.719.904	13.719.904
31/12	PKT 252	31/12	K/c lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2011	911 421	64.679.548	64.679.548
.....
			Cộng số phát sinh		42.450.213.002	42.450.213.002

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi số
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6.4

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh
356 Đà Nẵng- Hải An- Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh
Số hiệu tài khoản: 911
Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
....
31/12	PKT 250	31/12	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 4	511		1.071.575.310
31/12	PKT 250	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính quý 4	515		16.603.395
31/12	PKT 251	31/12	K/c giá vốn hàng bán quý 4	632	759.936.194	
31/12	PKT 251	31/12	K/c chi phí quản lý kinh doanh quý 4	642	236.830.770	
31/12	PKT 251	31/12	K/c chi phí tài chính quý 4	635	52.960.049	
31/12	PKT 252	31/12	K/c thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011	821	13.719.904	
31/12	PKT 252	31/12	K/c lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2011	421	64.679.548	
			Cộng phát sinh trong kỳ		4.981.125.925	4.981.125.925
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6.5

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh
356 Đà Nẵng- Hải An- Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN

Số hiệu tài khoản: 821

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
31/03	PKT 88	31/03	Thuế TNDN tạm tính quý 1	3334	4.000.000	
30/06	PKT 139	30/06	Thuế TNDN tạm tính quý 2	3334	4.000.000	
30/09	PKT 213	30/09	Thuế TNDN tạm tính quý 3	3331	4.000.000	
31/12	PKT 252	31/12	Thuế TNDN còn phải nộp	3334	1.719.904	
31/12	PKT 252	31/12	K/c thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011	911		13.719.904
			Cộng phát sinh trong kỳ		13.719.904	13.719.904
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh
356 Đà Nẵng- Hải An- Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu tài khoản: 421

Năm 2011

Đơn vị tính: VN đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			34.689.576
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT 252	31/12	K/c lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2011	911		64.679.548
			Cộng phát sinh trong kỳ			64.679.548
			Số dư cuối kỳ			99.369.124

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh

356- Đà Nẵng- Hải An – Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	4.845.282.886	3.259.278.467
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 1-2)	10		4.845.282.886	3.259.278.467
4.Giá vốn hàng bán	11		3.242.425.530	2.181.083.850
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10- 11)	20		1.602.857.356	1.078.194.617
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21		135.843.039	91.357.339
7.Chi phí tài chính	22		270.501.868	159.699.148
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8.Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.389.799.075	983.313.931
9.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 – 22 -24)	30		78.399.452	26.538.877
10.Thu nhập khác	31		-	252.727.273
11. Chi phí khác	32		-	220.967.491
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		-	31.759.782
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50= 30+ 40)	50	IV.09	78.399.452	58.298.659
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		13.719.904	14.574.665
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51)	60		64.679.548	43.723.994

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI QUỐC TẾ BẢO LINH****3.1.Đánh giá về thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh****3.1.1. Ưu điểm****Về bộ máy quản lý:**

Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải quốc tế Bảo Linh đã tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức tập trung, gọn nhẹ, linh hoạt và rất hiệu quả.

Về tổ chức bộ máy kế toán:

Công ty đã lựa chọn bộ máy kế toán tập trung phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh yêu cầu quản lý của Công ty. Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời phải chịu trách nhiệm trước những sai sót trong quá trình hạch toán kế toán. Bộ máy kế toán đảm bảo sự chuyên môn hóa của cán bộ kế toán, tạo điều kiện nâng cao trình độ của đội ngũ kế toán viên.

Bộ máy kế toán được tổ chức gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động có hiệu quả. Bên cạnh đó, nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm thực tế cùng với sự nhiệt tình trong công việc nên công tác kế toán tại công ty ít xảy ra sai sót, đạt hiệu quả cao.

Về hệ thống tài khoản sử dụng:

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của bộ tài chính, chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước.

Về hình thức kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán ghi sổ theo hình thức nhật ký chung do bộ tài chính ban hành. Hình thức này áp dụng đối với những doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, nó có ưu điểm dễ dàng trong phân công công tác kế toán. Công ty áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

VỀ SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, phù hợp với mô hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Công ty sử dụng đầy đủ các loại sổ sách từ sổ chi tiết đến sổ tổng hợp cho một số tài khoản để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

+ *Về công tác kế toán doanh thu:* Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Công ty sử dụng sổ chi tiết bán hàng theo dõi cho từng mặt hàng, dịch vụ như doanh thu bán hàng CS-390, Dolomite... giúp Công ty thấy được những mặt hàng, dịch vụ có số lượng tiêu thụ nhiều, mang lại doanh thu lớn trong Công ty. Từ đó, các nhà quản trị sẽ đưa ra nên lựa chọn mặt hàng, dịch vụ nào là mặt hàng, dịch vụ chiến lược.

+ *Về công tác kế toán chi phí:* Chi phí là vấn đề mà các nhà quản lý luôn quan tâm, cân nhắc và tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm tăng lợi nhuận. Các chi phí giá vốn, chi phí quản lý kinh doanh được cập nhật nhanh chóng. Tương ứng với sổ chi tiết bán hàng là các sổ chi tiết về giá vốn, sổ chi tiết các loại chi phí liên quan.

+ *Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh* tại Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời, chính xác, giúp cho ban lãnh đạo Công ty đưa ra những quyết định về kinh doanh để ngày càng nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng lợi nhuận.

+ Ngoài ra kế toán còn mở các sổ chi tiết khác như sổ chi tiết hàng hóa cho từng mặt hàng, giúp theo dõi chi tiết, cụ thể từng loại hàng hóa mua vào, bán ra của Công ty; sổ chi tiết công nợ cho từng đối tượng khách hàng giúp theo dõi việc thanh toán, chi trả của khách hàng trở nên dễ dàng, thuận tiện hơn. Đồng thời giúp ban quản trị Công ty thấy được tình hình bị chiếm dụng vốn của Công ty để có các chính sách thu hồi công nợ hợp lý.

Các bảng tổng hợp và sổ Cái tài khoản được phản ánh một cách đầy đủ, khoa học đảm bảo được yêu cầu về đối chiếu, kiểm tra từ đó tránh được những sai sót trong quá trình hạch toán.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm về bộ máy quản lý, bộ máy kế toán nói chung và công tác doanh thu, chi phí và các định kết quả kinh doanh nói riêng thì công ty còn một số mặt hạn chế nhất định mà công ty cần phải khắc phục.

Về phương thức hạch toán kế toán: Hiện nay công ty đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán, tuy nhiên hệ thống sổ sách và trình tự ghi sổ của công ty chưa được thực hiện trên một phần mềm kế toán nào mà mới chỉ xây dựng một số phần hành trên chương trình Excel và việc ghi chép còn rất thủ công. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều khiến kế toán công ty phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc. Ngày nay, khoa học công nghệ phát triển, hầu hết các doanh nghiệp đang phấn đấu công nghiệp hoá hiện đại hoá mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, áp dụng công nghệ máy tính vào tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao nhất. Do vậy công ty có sử dụng máy tính nhưng không tận dụng được hết sẽ gây lãng phí, giảm hiệu quả của việc áp dụng máy tính vào công tác kế toán, đôi khi còn có sự sai lệch nhầm lẫn về số liệu.

Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá: Trong quá trình tiêu thụ chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn lớn lôi cuốn khách hàng là luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy việc không áp dụng những chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ làm giảm số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hoá của công ty..

Về việc hạch toán : công ty không hạch toán khoản thuế xuất khẩu vào các khoản giảm trừ doanh thu mà lại hạch toán vào giá vốn hàng bán.

Về các khoản trích theo lương: Công ty chưa tiến hành trích bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo quy định của Nhà nước.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó có thể đánh giá được thực trạng phát triển, những ưu điểm và những hạn chế còn tồn tại trong kinh doanh. Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP TM và vận tải quốc tế Bảo Linh chưa hoàn thiện, gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy nên tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hoàn thiện sẽ giúp cung cấp số liệu doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành từ đó giúp kế toán lập các báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước như thế nào và có thể đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận.

3.2.2. Một số ý kiến

Dựa trên những hạn chế đã nêu ra và những kiến thức em đã được học em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM và vận tải quốc tế Bảo Linh như sau:

3.2.2.1. Sử dụng phần mềm kế toán

Một trong những mục tiêu cải cách hệ thống kế toán của Nhà nước là tạo điều kiện cho việc ứng dụng tin học vào hạch toán kế toán, bởi vì tin học đã, đang và sẽ trở thành một trong những công cụ quản lý kinh tế hàng đầu. Việc sử dụng phần mềm kế toán có nhiều ưu điểm như:

- Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán.
- Tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời về tình hình tài chính của Công ty.
- Tạo niềm tin vào các Báo cáo tài chính mà Công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.

- Giải phóng các kế toán viên khỏi công việc tìm kiếm và kiểm tra số liệu trong việc tính toán sổ học đơn giản để họ giành nhiều thời gian cho lao động sáng tạo.

Công ty có thể tự viết phần mềm kế toán theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư 103/2005/ TT- BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “ Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”; hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán Fast của công ty cổ phần quản lý doanh nghiệp Fast
- Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft
- Phần mềm kế toán Misa của công ty cổ phần Misa
- Phần mềm SAS- INNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam.

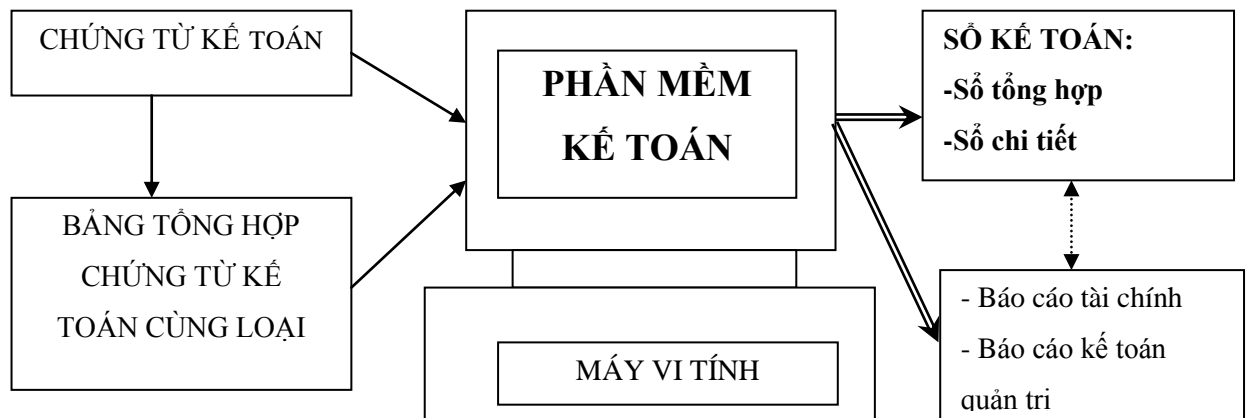
- Khi công ty sử dụng phần mềm kế toán thì trình tự hạch toán sẽ thực hiện theo sơ đồ sau:

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán.

- Máy sẽ tự động chạy các số liệu vào tất cả các sổ sách kế toán có liên quan. Đến cuối quý, kế toán lập chứng từ phân bổ và kết chuyển.

- Từ đó lập nên các báo cáo tài chính

Sơ đồ hạch toán :



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←.....> Đối chiếu, kiểm tra

3.2.2.2. Về việc hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

Kế toán cần hạch toán TK 3333 vào các khoản giảm trừ doanh thu tách ra khỏi giá vốn hàng bán để theo đúng chuẩn mực kế toán hiện hành về việc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu. Điều đó giúp cho việc hạch toán chính xác, chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu, góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh.

Ví dụ: Ngày 21/12, công ty nộp thuế xuất khẩu cho hàng bột đá calium CS-390 bằng tiền mặt :9.834.982 đồng

Kế toán ghi:

Nợ TK 632 : 9.834.982

Có TK 3333: 9.834.982

Nợ TK 3333: 9.834.982

Có TK 111: 9.834.982

Theo em nên hạch toán

Nợ TK 511: 9.834.982

Có TK 3333: 9.834.982

Nợ TK 3333: 9.834.982

Có TK 1111 : 9.834.982

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Mẫu : 01/XK
Ký hiệu: HQ/2009
Seerri: AA/2010
Số : 0001653

BIÊN LAI THUẾ XUẤT KHẨU
(Liên 2: Giao cho người nộp)

Họ tên người nộp thuế: Công ty CP thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh
Địa chỉ: 356 Đà Nẵng- Đoạn Xá 1 – Đông Hải 1- Hải An – Hải Phòng

Thuộc đơn vị :MST:

0	2	0	0	6	3	9	8	4	4			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Theo tờ khai hàng hóa xuất khẩu số : 364/XKD.....ngày 20 tháng 12 năm 2011
và thông báo số :ngàytháng.....năm
Nộp tại cửa khẩu:Gia Lâm.....thuộc.....Hà Nội.....
Tổng số tiền thuế nộp bằng chữ:.....

STT	Tên hàng xuất khẩu	Thuế xuất khẩu		
		Trị giá tính thuế (Đồng)	Thuế suất (%)	Tiền thuế (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)= 3*4
	Bột đá calcium		10%	9.834.982
	Cộng			9.834.982

Tổng số tiền thuế nộp bằng chữ : Chín triệu tám trăm ba mươi tư ngàn chín trăm tám hai đồng

Người viết biên lai
(ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày 21 tháng 12 năm 2011
Người thu tiền
(ký, ghi rõ họ tên)

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh
356 Đà Nẵng – Hải An- Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
21/12	PKT	21/12	Xác định thuế xuất khẩu	511 3333	9.834.982	9.834.982
21/12	PC 355	21/12	Nộp thuế xuất khẩu hàng bột đá	3331 1111	9.834.982	9.834.982
.....
			Cộng số phát sinh			

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh
356 Đà Nẵng- Hải An- Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu tài khoản: 511

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
.....
21/12	PKT	21/12	Xác định thuế xuất khẩu	3333	9.834.982	
.....
			Cộng phát sinh			
			Số dư cuối kỳ			

3.2.2.3. Về việc tính các khoản trích theo lương

Công ty mới thực hiện trích bảo hiểm xã hội(16% vào chi phí, 3% khấu trừ vào lương); bảo hiểm y tế (3% vào chi phí, 1, 5% khấu trừ vào lương). Công ty chưa trích bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo quy định của Nhà nước.

- Bảo hiểm thất nghiệp 2% trong đó 1% trích vào chi phí và 1% khấu trừ vào lương
- Kinh phí công đoàn 2% trên tổng quỹ tiền lương thực trả tính vào chi phí

Ví dụ: Sử dụng số liệu ở bảng tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương tháng 09.

Bảo hiểm thất nghiệp trích vào chi phí : $13.924.000 \times 1\% = 139.240 \text{ đ}$

Kinh phí công đoàn trích vào chi phí : $30.560.000 \times 2\% = 611.200 \text{ đ}$

Bảo hiểm thất nghiệp khấu trừ vào lương : $13.924.000 \times 1\% = 139.240 \text{ đ}$

3.2.2.4. Các chính sách ưu đãi đối với khách hàng

Áp dụng chiết khấu thanh toán: Công ty cũng nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán. Chiết khấu thanh toán cho người mua hàng hoá dịch vụ là khoản tiền mà khách hàng được hưởng do thanh toán trước hạn theo thoả thuận khi mua hoặc bán để thúc đẩy khách hàng thanh toán tiền hàng sớm, tránh bị chiếm dụng vốn kinh doanh. Tùy vào đối tượng và thời hạn thanh toán mà Công ty có thể đưa ra các tỉ lệ phần trăm (%) chiết khấu phù hợp.

Chiết khấu thanh toán được phản ánh vào TK 635 - Chi phí tài chính như sau:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính (chiết khấu thanh toán cho khách hàng hưởng)

Có TK 131, 111, 112,...

Cuối kỳ, kết chuyển tổng các khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính (chiết khấu thanh toán cho khách hàng)

Ví dụ : Ngày 06/11 Công ty bán đá cục trắng cho Công ty TNHH Khang Thịnh theo hóa đơn GTGT số 0000019 với tổng số tiền thanh toán là : 250.800.000 đồng (VAT 10%). Thời hạn thanh toán trên hợp đồng là 30 ngày kể từ ngày nhận hàng nhưng Công ty TNHH Khang Thịnh thanh toán trước hạn 20 ngày. Trong trường hợp này, Công ty nên cho Công ty TNHH Khang Thịnh hưởng khoản chiết khấu do thanh toán sớm.

Theo ví dụ này, Công ty nên áp dụng tỉ lệ chiết khấu là 1%. Khoản chiết khấu công ty Khang Thịnh được hưởng :

$$250.800.000 \times 1\% = 2.508.000 \text{ VNĐ}$$

Kế toán tiến hành định khoản :

Nợ TK 635: 2.508.000 VNĐ

Có TK 131: 2.508.000 VNĐ

Sau khi định khoản trên, kế toán ghi sổ Nhật ký chung, đồng thời kế toán ghi vào sổ chi tiết thanh toán người mua (người bán) . Từ sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái tài khoản TK 635. Cuối kỳ , từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết được sử dụng để lập BCTC

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh
356 Đà Nẵng – Hải An- Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA(NGƯỜI BÁN)

TK 131 – Phải thu khách hàng

Đối tượng: Công ty TNHH Khang Thịnh

Loại tiền: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				-	
			Số phát sinh trong kỳ					
.....
06/11	HĐGTGT 0000019	06/11	Phải thu tiền hàng của Khang Thịnh	511 3331	228.000.000 22.800.000		228.000.000 250.800.000	
22/11	BC	22/11	Công ty Khang Thịnh thanh toán tiền hàng	112		248.292.000	2.508.000	
22/11	PKT	22/11	Chiết khấu thanh toán cho Công ty TNHH Khang Thịnh	635		2.508.000	-	
			Cộng phát sinh trong kỳ		250.800.000	250.800.000		
			Số dư cuối kỳ				-	

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh
356 Đà Nẵng – Hải An- Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
06/11	HĐGTGT 0000019	06/11	Doanh thu hàng đá cục trắng bán cho công ty TNHH Khang Thịnh	131 511 3331	250.800.000	228.000.000 22.800.000
....
22/11	BC	22/11	Công ty Khang Thịnh thanh toán tiền hàng,	112 131	248.292.000	250.800.000
22/11	PKT	22/11	Chiết khấu thanh toán cho công ty TNHH Khang Thịnh	635 131	2.508.000	2.508.000
.....
			Cộng số phát sinh			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi số
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh
356 Đà Nẵng – Hải An- Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu tài khoản: 635

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
.....
06/11	PKT	06/11	Chiết khấu thanh toán cho công ty TNHH Khang Thịnh	131		22.800.000
....
			Cộng số phát sinh trong kỳ			
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi số
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp chiếm một vị trí, vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, các nhà quản lý doanh nghiệp nắm bắt được thực trạng từng loại hoạt động trong doanh nghiệp, đánh giá được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, từ đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu giữa lý luận và thực tế tại Công ty cổ phần thương mại và vận tải quốc tế Bảo Linh, em đã có điều kiện tìm hiểu sâu hơn về các phần ngành kế toán đã học, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở Công ty thực hiện khá đầy đủ, đúng chế độ tài chính kế toán do Nhà nước quy định và đã cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ cho bộ phận quản lý của doanh nghiệp. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế nhất định. Để kế toán thực sự là một công cụ quản lý không thể thiếu, Công ty nên tiếp tục hoàn thiện công tác kế toán, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Vận dụng những kiến thức đã được tiếp thu ở trường kết hợp với thực tế tại Công ty em đã nêu một số nhận xét cũng như ý kiến với mong muốn đóng góp một phần vào việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Nội dung của đề tài khóa luận này là rất rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ có hạn và thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế, bài khóa luận của em không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự đánh giá và góp ý của các thầy cô giúp cho bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn CN. Kế toán trưởng Tô Thúy Hoa và các anh chị kế toán tại công ty cổ phần thương mại vận tải quốc tế Bảo Linh đã giúp đỡ em nhiệt tình để hoàn thành bài luận văn này.

Sinh viên

Trần Hải An

Danh mục tài liệu tham khảo

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)
2. Các chuẩn mực kế toán Việt Nam
3. Số liệu và bảng trích tài liệu từ nguồn tài liệu phòng kế toán tại Công ty cổ phần thương mại vận tải quốc tế Bảo Linh